

Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thanh Huyền

Ngày 22.12.2024, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ban Biên tập bản tin Khoa học & công nghệ xin trân trọng giới thiệu những nội dung cơ bản của Nghị quyết

I. Quan điểm chỉ đạo

1. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội,

tính cách mạng. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

3. Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ

cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

4. Phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.



*Chuyển đổi số góp phần phát triển kinh tế xã hội
(ảnh minh họa)*

ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang

II. Mục tiêu

1. Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới; một số lĩnh vực khoa học, công nghệ đạt trình độ quốc tế.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn quốc.

- Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu

nhập cao. Việt Nam có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP; là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

III. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Theo đó, tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới bảo đảm an toàn và cùng có lợi. Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thoả thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾT LUẬN 01-KL/TW VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 05-CT/TW VỀ ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH NĂM 2024 TẠI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Th.S. Mạc Quang Dũng

Giám đốc Sở Khoa học và công nghệ

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” (gọi tắt là Kết luận số 01-KL/TW), và các văn bản của Đảng ủy cấp trên. Năm 2024, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch số 54/KH-SKHCN ngày 12/01/2024 chỉ đạo các cấp ủy, Chi bộ trực thuộc và phối hợp với Công đoàn cơ sở đưa việc học tập và làm theo Bác thành việc làm thường xuyên, hiệu quả. Tổ chức học tập, quán triệt và đưa nội dung học tập chuyên đề toàn khóa, chuyên đề hàng năm vào sinh hoạt định kỳ của chi bộ, cơ quan, đoàn thể. Đẩy mạnh việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và phong cách Hồ Chí Minh cho đội ngũ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động (CCVCLĐ); kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (đợt 19/5/2023-19/5/2024); tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kết luận số 01-KL/TW, Chỉ thị số 05-CT/TW theo quy định.

Công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt được tổ chức nghiêm túc, đảm bảo nội dung, tiến độ, chất lượng. Thủ trưởng cơ quan phối hợp với Đảng ủy Sở lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức 01 hội nghị học tập, quán triệt tuyên truyền về Kết luận số 01-KL/TW; Chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”; Chuyên đề năm 2024: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy quyền



Công chức, viên chức, người lao động Sở Khoa học và công nghệ tham gia học tập Nghị quyết do Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tổ chức

làm chủ của Nhân dân, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, khơi dậy khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đưa Lai Châu phát triển nhanh và bền vững” với 45 đảng viên, CCVCLĐ của cơ quan tham gia tiếp thu tại hội nghị, đạt tỉ lệ 100%. 100% chi bộ, các phòng, đơn vị, các tổ chức công đoàn đã xây dựng và đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào sinh hoạt định kỳ. Chính quyền đã phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy Sở lãnh đạo, chỉ đạo đảng viên, CCVCNLD nghiêm túc triển khai xây dựng bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện năm 2024 và kế hoạch cá nhân học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2024 với nội dung cụ thể, trên cơ sở đó, mỗi đảng viên, CCVCNLD xác định, đăng ký nội dung làm theo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, công việc được giao.

Kịp thời đưa nội dung Kết luận số 01-KL/TW vào chương trình hành động, kế hoạch của Sở gắn với thực hiện các Nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quyết định, kế hoạch của Tỉnh

ủy, HĐND và UBND tỉnh trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc các phòng, đơn vị, đội ngũ CCVCNLD nêu cao vai trò trách nhiệm, tích cực tham mưu trong công việc được giao để tham mưu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Trong năm, Sở đã tham mưu cho tỉnh thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về Khoa học và Công nghệ (KH&CN), từng bước cụ thể hóa các chính sách của Trung ương phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó: Tham mưu BCSĐ UBND tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 50-CTr/TU ngày 23/4/2024 Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 69-KL/TW, ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; tham mưu BCSĐ UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 395-KH/BCSĐ ngày 22/7/2024 Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 50-CTr/TU ngày 23/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 293-KH/TU ngày 18/10/2024 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Nghị quyết 43/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh về

việc Ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu và nhiều văn bản quản lý nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh: Năm 2024, đã và đang triển khai 22 đề tài, dự án thực hiện trên địa bàn tỉnh Lai Châu (trong đó 03 nhiệm vụ cấp quốc gia và 19 nhiệm vụ cấp tỉnh). Thông quan triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được cục Sở hữu trí tuệ cấp 09 văn bằng bảo hộ cho các sản phẩm: Sâm Lai Châu, Đào Tam Đường, Mận Tam Đường, Lê Tam Đường, Chuối Phong Thổ, Thảo dược tẩm của người Dao Sìn Hồ, Gạo nếp Tân Pôm Than Uyên, Gạo nếp Khẩu Lương Phủng Phong Thổ, Hạt Giổi Mường Tè. Cấp lại 01 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN; cấp 04 giấy chứng nhận đăng ký kết quả nghiên cứu KH&CN; cấp 10 chứng chỉ nhân viên bức xạ, cấp mới, gia hạn và sửa đổi 06 giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. Giải quyết cho 36 lượt cá nhân, doanh nghiệp sử dụng PTĐ có kiến nghị về sai số. Hướng dẫn 10 cơ sở xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho 24 sản phẩm; 23 cơ sở làm hồ sơ đăng ký sử dụng mã số, kê khai thông tin tạo mã vạch đối với 45 sản phẩm; thực hiện 06 cuộc kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Tổ chức 01 cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân đối với 10 cơ sở sử dụng thiết bị X-quang trong y tế. Phát hành 04 số Bản tin KH&CN định kỳ, 12 số bản tin công nghệ phục vụ doanh nghiệp; phối hợp với Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh phát sóng 06 số chuyên mục Khoa học và Đời sống; cập nhật, đăng 180 tin, bài lên Trang thông tin điện tử của Sở. Kiểm định 2.741 phương tiện đo các loại, 112 hệ thống tiếp địa chống sét cho các tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh...

Tinh thần nêu gương của công chức, viên chức, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị dần được thể hiện, tạo được chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của mỗi tập thể, cá nhân, góp phần nâng

cao ý thức, trách nhiệm; trau dồi phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên, công chức, viên chức và người lao động.

Năm 2024, Sở xây dựng mô hình tiêu biểu “Ứng dụng tiến bộ công nghệ sinh học trong sản xuất đời sống giai đoạn 2021- 2025”, trong đó: Tiếp tục phối hợp với các huyện Tân Uyên, Thuận Uyên, Tam Đường duy trì các kết quả trước đây; tổ chức 07 hội nghị tập huấn sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi phục vụ tiêu chí nông thôn mới giảm ô nhiễm môi trường cho 180 người tại huyện Nậm Nhùn, Phong Thổ, Sìn Hồ; triển khai xây dựng 24 mô hình ứng dụng chế phẩm vi sinh xử lý chất thải chăn nuôi gia súc, gia cầm tại các huyện Nậm Nhùn và Phong Thổ.

Việc thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình hằng năm đã gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, CCVCNLĐ tự nhận diện, cấp có thẩm quyền kết luận có hay không biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; qua đó giúp phòng ngừa sai phạm, tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động của đội ngũ đảng viên, CCVCNLĐ đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, quản lý, góp phần ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên, CCVCNLĐ.

Năm 2024, chính quyền phối hợp với Đảng uỷ Sở Khoa học và Công nghệ khen thưởng cho 01 tập thể và 02 cá nhân có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2024. Ngoài ra, các phòng, đơn vị phối hợp cùng chi bộ thực hiện biểu dương từ 01-02 đảng viên, CCVC trong tháng tại các buổi sinh hoạt chi bộ định kỳ thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ xác định thực hiện tốt các nội dung sau:

Thứ nhất: Tiếp tục xác định rõ việc tổ chức thực hiện Kết luận số 01-KL/TW là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của Đảng uỷ, chính quyền Sở; tiếp tục đẩy mạnh

công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Kết luận số 01- KL/TW gắn Nghị quyết số 04 các khóa XI, XII, XIII, Kết luận số 21-KL/TW với nhiệm vụ chính trị và thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, các nghị quyết, chỉ thị, quy định về xây dựng Đảng và các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW, Kết luận số 01-KL/TW.

Thứ hai, tiếp tục tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và học tập, quán triệt, tuyên truyền Chuyên đề năm 2025 và những năm tiếp theo.

Thứ ba, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, chặt chẽ, kết hợp việc tổ chức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với công tác xây dựng chính quyền, đẩy mạnh cải cách hành chính và gắn với thực hiện các phong trào thi đua yêu nước. Tiếp tục chỉ đạo, lựa chọn xác định những nội dung trọng tâm tập trung cần thực hiện trong năm để chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả. Đưa việc học tập và làm theo Bác là nhiệm vụ và công việc thường xuyên hằng ngày, là trách nhiệm của mỗi đảng viên, CCVCNLĐ trong thực thi nhiệm vụ.

Thứ tư, tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc tổ chức học tập chuyên đề của năm; đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào sinh hoạt hàng tháng tại các chi bộ trực thuộc.

Thứ năm, làm tốt công tác kiểm tra, giám sát đôn đốc việc thực hiện theo các nội dung, kế hoạch, những việc đăng ký học tập và làm theo Bác; Đảng uỷ Sở thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm theo kế hoạch, trong đó, thực hiện có hiệu quả nội dung kiểm tra, giám sát đảng viên thực hiện trách nhiệm, nêu gương gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

Th.S.Bùi Thị Lệ Dung
Phó Giám Đốc Sở KH&CN



Đoàn công tác do đồng chí Giàng Páo Mỹ - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thăm mô hình trồng rau theo hướng VietGap tại huyện Sìn Hồ - Lai Châu

Biến đổi khí hậu (BĐKH) mà biểu hiện chính là sự nóng lên toàn cầu và mực nước biển dâng tạo nên các hiện tượng thời tiết bất thường. Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu đã gây ra các hiện tượng thời tiết phức tạp và ngày càng khắc nghiệt ảnh hưởng rất lớn đến các lĩnh vực của đời sống, lao động sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Trên địa bàn tỉnh Lai Châu, nông nghiệp là lĩnh vực chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu.

Để thích ứng với diễn biến bất thường của thời tiết, ngành Khoa học và Công nghệ đã tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó tập trung sản xuất những nông sản chủ lực, nhóm cây có lợi thế cạnh tranh, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Qua đó, tạo ra sản phẩm chất lượng, có giá trị gia tăng cao phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

Để nâng cao tính chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi

khí hậu, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ KH&CN trong đó có các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh lĩnh vực nông nghiệp. Trong lĩnh vực trồng trọt, các nhiệm vụ KH&CN tập trung nghiên cứu đổi mới cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp với lợi thế so sánh thị trường và thích ứng cao với BĐKH, phát triển các loại cây ăn quả, cây đặc hữu có giá trị kinh tế cao của địa phương; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm theo chuỗi giá trị đối với cây trồng hàng hóa có lợi thế của địa phương để hạn chế rủi ro từ BĐKH. Đối với lĩnh vực chăn nuôi, các nhiệm vụ KH&CN đã nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi thích ứng với

BĐKH và rủi ro thiên tai, dịch bệnh; kết hợp giữa chọn tạo các giống vật nuôi bản địa và giống mới có chất lượng cao hơn, phù hợp với thị trường; Thay đổi tập quán chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi công nghiệp hàng hóa. Khuyến khích phát triển chăn nuôi từ quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang phát triển chăn nuôi quy mô gia trại, trang trại an toàn sinh học; làm tốt công tác tiêm phòng vắc xin, kiểm soát và xử lý dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã:

- *Nghiên cứu lựa chọn giống cây trồng vật nuôi năng suất chất lượng cao thích ứng với biến đổi khí hậu:* Đã phục tráng thành công 08 giống lúa địa phương và thử nghiệm 43 giống cây trồng vật nuôi mới năng suất cao, khả năng chống chịu tốt, thích ứng với điều kiện khí hậu (*Rét đậm, rét hại, sương muối, mưa đá, khô hạn*). Kết quả các nhiệm vụ KH&CN đã khuyến cáo và bổ sung 51 giống trong cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi của tỉnh Lai Châu như các giống lúa: Nếp tan Co

Giàng, Tẻ râu, Khẩu Ký, Tả cù, Khẩu hóc, Tẻ mèo bắc Đào San, Khẩu Lương Phủng, nếp Tan Pòm, Sếng cù, J02 và giống đậu tương (ĐT84); 03 giống lê (BV1, DL2, VH6); 03 giống chè (kim tuyên, chè shan, chè PH8); 5 giống cao su (RIV4, GT1, IAN 873, GT1, RRIV4), 02 dòng Macca (OC, 816); 02 giống lợn (Duroc, Landace); cá tầm (Acipenser spp); lan Kim Tuyền, ớt Trung đoàn Mường Tè, sơn tra, khoai sọ Nậm Khao, ngô chịu lạnh chịu hạn (LVN10, VS36, CP333), giống lúa chịu lạnh chịu hạn (lúa PC6, lúa J01, lúa RVT, lúa HT6, lúa HT9 và lúa HYT108), ngô đất dốc (CP999, PAC 999); giống cây trồng ngắn ngày trên đất bán ngập (Giống ngô lai đơn LVN 885, đậu tương DT 12, ngô nếp MX2 và dưa chuột VL 103 F1), cây Sâm Lai Châu, tam thất hoang, giống đào Flora Prince... Tiếp tục nghiên cứu và thử nghiệm các giống giống lấy hạt, cây trám đen, ba kích tím, hoàng sin có và dưa lê vàng sọc trắng.

- **Ứng dụng khoa học công nghệ góp phần xây dựng cơ chế chính sách và hình thành vùng sản xuất nông nghiệp tập trung:** Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đã thực hiện 540 mô hình trình diễn của 91 giống cây trồng, vật nuôi có năng suất vượt trội trên 25%. Từ các kết quả thử nghiệm và xây dựng mô hình đã cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn khuyến cáo UBND tỉnh xây dựng các đề án, nghị quyết và hình thành vùng sản xuất nông nghiệp tập trung cho các loại cây trồng như lúa, chè, macca, cá nước lạnh, cây ăn quả ôn đới, cây dược liệu nói chung và cây Sâm Lai Châu nói riêng. Đặc biệt kết quả nghiên cứu về cây Sâm Lai Châu là cơ sở để tỉnh có các chính sách ứng dụng khoa học công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng giao thông, trang thiết bị trong nghiên cứu chọn tạo giống, trồng trọt, chế biến nhằm tạo ra sản phẩm Sâm có chất lượng cao và sức cạnh tranh trên thị trường. Các nhiệm vụ KH&CN nghiên cứu về cây dược liệu đã góp phần quản lý, khai thác và sử dụng bền vững nguồn dược liệu quý hiếm phục vụ cho mục tiêu phát triển dược học và kinh tế, phát triển thương hiệu, bảo tồn và phát triển nguồn gen một số cây dược liệu nói chung và cây Sâm Lai Châu nói riêng. Bên cạnh đó để quy hoạch phát triển các cánh đồng lúa tập trung KH&CN đã nghiên

cứu và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai các cánh đồng trồng lúa tập trung (Mường Than, Bình Lư, Mường So, Mường Khoa), xây dựng bản đồ các đặc điểm đất đai, bản đồ chất lượng đất đai, bản đồ mức độ thích hợp đất đai vùng trồng lúa tập trung tỉnh Lai Châu.



Đoàn công tác tham quan nhà máy sản xuất chè của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển chè Tam Đường tại huyện Sìn Hồ - Lai Châu

- **Tập trung chuyển giao tiến bộ kỹ thuật canh tác, chăn nuôi nhằm thay đổi tập quán canh tác lạc hậu góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao năng suất chất lượng:** Trong thời gian qua, khi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đã chuyển giao 211 quy trình kỹ thuật cho khoảng 4.000 người dân ứng dụng vào sản xuất, hàng năm được nhân dân duy trì nhân rộng trên toàn tỉnh, xây dựng được 32 tài liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật. Việc duy trì sản xuất giống sau phục tráng, cung ứng nguồn giống và áp dụng tiến bộ kỹ thuật đảm bảo trong trồng trọt và chăn nuôi không chỉ phát triển thành vùng sản xuất sản phẩm đặc sản chè, lúa gạo, cây ăn quả mà còn đóng góp 20% giá trị gia tăng tập trung các sản phẩm lúa gạo, Macca, cây ăn quả ôn đới, chè, thảo quả, cá nước lạnh, cá lồng bè...

- **Góp phần nâng cao giá trị cho các sản phẩm cây trồng bản địa:** Để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp đặc sản địa phương, nội dung đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đã được quan tâm thực hiện trong các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Kết quả Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm như: Miến dong Bình Lư, ớt

Trung đoàn của huyện Mường Tè, sâm Lai Châu, sản phẩm tằm thảo dược, sản phẩm hoa Lan Lai Châu, nếp Tan Pỏm, nếp tan Co Giàng Tân Uyên, Tẻ râu Phong Thổ, gạo Sếng Cù Than Uyên, Khẩu Lương Phủng, chanh leo, hạt giổi Lai Châu, chuối, xây dựng chỉ dẫn địa lí “Chè Lai Châu”, sản phẩm đào, mận, lê huyện Tam Đường, chè Tân Uyên, chè Tam Đường... Để hỗ trợ các sản phẩm KH&CN



Sở KH&CN hỗ trợ dây chuyền đổi mới công nghệ của HTX Tân Tiến -Tân Uyên - Lai Châu

đã tham mưu xây dựng và vận hành Cổng thông tin SmartGAP và kết nối thị trường tại địa chỉ: <http://laichau.smartgap.vn>, phần mềm nhật ký điện tử, phần mềm hệ thống quản lý sản xuất dành riêng cho từng cơ sở, phần mềm hệ thống quản lý dành cho cơ quan nhà nước, phần mềm in và kiểm soát tem QR Code, camera và phần mềm xem trực tuyến trên điện thoại, máy tính,... phần mềm tương tác trực tuyến hiện đang ứng dụng tại 04 doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ 12 dự án chăn nuôi, chế biến thuộc lĩnh vực nông nghiệp theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019. Thông qua hoạt động đổi mới công nghệ các doanh nghiệp đã hấp thu và làm chủ công nghệ, năng suất lao động trung bình tăng, sản phẩm được tạo ra bởi công nghệ mới đã đáp ứng được nhu cầu của thị trường. 08 dự án hỗ trợ ứng dụng và đổi mới công nghệ (Gồm các dự án: “Ứng dụng và đổi mới công nghệ chế biến chè xanh thành phẩm” cho HTX Bản Giang, “Ứng dụng và đổi mới công nghệ trong bảo quản nâng cao chất lượng chè tươi nguyên liệu” cho Công ty Cổ phần

chè Lai Châu, “Ứng dụng và đổi mới công nghệ chế biến chè Sencha chất lượng cao từ nguyên liệu chè kim tuyến” cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển chè Tam Đường, “Hệ thống sấy và tạo hình cánh chè” cho Hợp tác xã Tân Tiến, “Ứng dụng và đổi mới dây chuyền công nghệ tách màu chè” cho Công ty TNHH chè Shan Trúc Than, “Ứng dụng và đổi mới dây chuyền công nghệ chế biến chè xanh” cho Hợp tác xã Tây Bắc, “Ứng dụng và đổi mới công nghệ chế biến và bảo quản chè Olong chất lượng cao” cho Công ty cổ phần Đầu tư phát triển chè Tam Đường). Sau khi đổi mới công nghệ năng suất, chất lượng tăng lên so với trước khi đổi mới công nghệ từ 20% đến 35%. Tiết kiệm từ 10-15% nhiên liệu so với trước khi đổi mới, giảm chi phí sản xuất khoảng 25%. Khi ứng dụng công nghệ sản phẩm chè của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển chè Tam Đường có cánh đều, xoắn chặt, bóng, màu xanh, không còn cặn, bầm và tỷ lệ cám chè giảm còn khoảng 4% và 100% chè không bị gãy nát trong quá trình tách màu. Sau khi đổi mới công nghệ đơn vị đã chế biến ra các sản phẩm chè chất lượng cao như: Olong, Đông phương mỹ nhân, Matcha, Sencha... để xuất khẩu sang

các nước Châu Âu, Đài Loan, Đức, Nhật. 04 dự án hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ (gồm các dự án “Ứng dụng KH&CN nhân rộng mô hình nuôi cá tầm thương phẩm trong lồng” cho Hợp tác xã Thủy sản cao nguyên Sìn Hồ; dự án “Ứng dụng KH&CN nhân rộng mô hình nuôi cá tầm thương phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu trên địa bàn tỉnh” cho Hợp Tác Xã Dương Yến; dự án “Ứng dụng KH&CN nhân rộng mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm năng suất, chất lượng cao” cho Hợp tác xã Minh Thuận; Dự án “Ứng dụng KH&CN nhân rộng mô hình nuôi cá tầm thương phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu trên địa bàn tỉnh” cho Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và dịch vụ du lịch Ngủ Chỉ Sơn). Thông qua các dự án đã tiếp tục chuyển giao, nhân rộng và duy trì 06 quy trình nuôi cá tầm thương phẩm cho các tổ chức cá nhân nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Từ đó các đơn vị đã làm chủ được quy trình kỹ thuật nuôi cá

(Xem tiếp trang 26)

SÌN HỒ ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀO SẢN XUẤT

Thanh Huyền

Sìn Hồ là huyện vùng cao biên giới có diện tích tự nhiên 152.245,18 ha, có khí hậu mát mẻ quanh năm, có nhiều thuận lợi trong việc phát triển sản xuất. Những năm qua, huyện Sìn Hồ đã tích cực tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiều chủ trương, kế hoạch, giải pháp trọng tâm, tạo hành lang pháp lý thuận lợi để KH&CN phát triển bền vững, góp phần xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của huyện.

Thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 22/02/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021- 2025 định hướng đến năm 2030, trong 03 năm qua đã có 11 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh triển khai trên địa bàn huyện. Đó là kết quả của sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu và UBND huyện Sìn Hồ trong việc triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN, nhất là hoạt động nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu triển khai thí điểm, góp phần giải quyết các vấn đề cấp thiết của huyện. Hầu hết các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN được triển khai đã và đang ứng dụng vào thực tế, góp phần thực hiện chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận những thành tựu KH&CN mới; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nhiều loại cây trồng, vật nuôi và các sản phẩm, hàng hóa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Thông qua việc đầu tư đổi mới công nghệ, đóng góp tích cực trong việc tiêu thụ nông sản và được



Quang cảnh Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu bảo tồn các loài cây thuốc tẩm và phát triển sản phẩm tẩm thảo dược của đồng bào dân tộc Dao Khâu huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu”

liệu, tiết kiệm tiêu hao nguyên nhiên liệu, giúp giảm chất thải, tìm kiếm nguồn năng lượng, vật liệu mới thay thế các nguồn lực truyền thống và không gây ô nhiễm môi trường.

Lĩnh vực khoa học nông nghiệp: Tập trung nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH&CN để phát triển các cây, con chủ lực và có tiềm năng phát triển theo hướng bền vững thông qua tuyển chọn bộ giống có chất lượng, xây dựng thương hiệu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, liên kết trong sản xuất, nhằm tạo ra sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm và có giá trị kinh tế cao tăng thu nhập cho người dân trên diện tích đất canh tác. Nổi bật là nhóm cây trồng dược liệu như: Sâm Lai Châu, bả lá một hoa, đỗ trọng, hà thủ ô đỏ, 29 loại cây thuốc sử dụng trong các bài thuốc tẩm (19 loại cây), các bài thuốc phong tê thấp (10 loài cây)....

Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: Tập trung triển khai các dự án sản xuất thử nghiệm, hoàn thiện, chuyển giao công nghệ, các mô hình

mối gắn với sản xuất trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ chế biến... tiêu biểu như “Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý Chè Lai châu cho sản phẩm chè của tỉnh”; “Giải pháp nâng cao giá trị sản phẩm OCOP của tỉnh Lai Châu theo chuỗi liên kết”; ứng dụng các giải pháp KH&CN hỗ trợ đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký mã số, mã vạch; truy xuất nguồn gốc, hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa cho các cơ sở sản xuất thiết kế sản phẩm tham gia đăng ký Chương trình OCOP. Đến nay huyện có 21 sản phẩm OCOP đạt 3 sao, 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới...

Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thực hiện chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước nhằm cung cấp luận cứ khoa học phục vụ quá trình lãnh đạo và điều hành của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, địa phương. Kết quả “Nghiên cứu đề xuất giải pháp bảo tồn nghề thủ công truyền thống trên địa bàn tỉnh”; “Thực trạng và giải pháp phòng chống tà đạo, đạo lạ trên địa bàn tỉnh Lai Châu”; “Thực trạng và giải pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc ít người tại tỉnh Lai Châu”.

Thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh. Đã thực hiện hỗ trợ 01 đơn vị nhân rộng kết quả ứng dụng KH&CN mô hình nuôi cá tầm thương phẩm trong lòng hồ cho HTX Thủy sản cao nguyên Sìn Hồ với kinh phí hỗ trợ 500 triệu đồng. Xây dựng nhãn hiệu sở hữu trí tuệ cho 2 sản phẩm chứng nhận “Thảo dược tẩm của người Dao huyện Sìn Hồ” và “Hà thủ ô đỏ Sìn Hồ”. Qua đó, góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nâng cao đời sống, phát triển sản xuất, phục vụ tích cực cho phát triển KT-XH địa phương. Tập trung triển khai các đề tài, dự án phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, tiềm năng; hoàn thiện, làm chủ quy trình công nghệ sản xuất và thương mại được các dòng sản phẩm chế biến khác nhau từ các loại nông sản.

Với những kết quả đã đạt được, có thể khẳng định, hoạt động KH&CN của huyện Sìn Hồ đã và đang phát huy tích cực vai trò và vị

thế của mình, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đóng góp thiết thực cho các mục tiêu phát triển KT-XH của huyện.

Để có được kết quả đó, yêu cầu đặt ra là các nhiệm vụ KH&CN cần đi vào trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra. Đối với mỗi nhiệm vụ triển khai phải luôn có địa chỉ ứng dụng, sản phẩm có tính thương mại và thực hiện theo chuỗi giá trị, tạo điều kiện thuận lợi giúp doanh nghiệp nâng cao tiềm lực KH&CN vào sản xuất và kinh doanh, tạo tác động lan tỏa đến các ngành kinh tế.

Để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, triển khai các nhiệm vụ KH&CN phục vụ hiệu quả, rõ nét mục tiêu phát triển KT-XH, mang lại những giá trị cao hơn nữa, huyện Sìn Hồ cần tập trung một số định hướng cụ thể sau:

Một là, tích cực tham mưu, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng KHCN trong tuyển chọn và nhân giống cây trồng vật nuôi, phát triển cây được liệu, các sản phẩm hàng hóa chủ lực, hàng hóa đặc sản.

Hai là, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cấp nhãn hiệu cho sản phẩm của huyện, của tỉnh. Đề nghị cấp mã số mã vạch cho các sản phẩm về được liệu như: Actiso, cao đồ trọng, trà bông mã đề....

Ba là, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu triển khai trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hướng trọng tâm, trọng điểm, UBND huyện quan tâm rà soát, lập danh sách các tổ chức, cá nhân đảm bảo điều kiện để được hỗ trợ theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Bốn là, công tác phối hợp giữa huyện với Sở KH&CN với các cơ quan, ban, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu, trường đại học ngoài tỉnh trong quá trình nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ về kỹ thuật cần thực hiện đồng bộ, nhịp nhàng. Việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và đổi mới sáng tạo vào sản xuất phải giúp tạo ra nhiều mô hình kinh tế hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của huyện và tỉnh.

ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

Nguyễn Văn Kiều
Trưởng Chính trị tỉnh

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đóng vai trò quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn, phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện đại. Những năm qua, công tác này luôn được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện và đạt được một số thành tựu, tuy nhiên, để đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững cần tiếp tục tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong thời gian tới.

Thực trạng đào tạo nghề lao động nông thôn

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn được quan tâm khi sản xuất nông nghiệp của cả nước nói chung và của tỉnh nói riêng có sự chuyển dịch từ nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, lạc hậu, phụ thuộc chủ yếu vào tự nhiên sang sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ hiện đại gắn với kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế.

Sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn có sự chuyển biến tích cực. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh được sắp xếp tinh gọn. Đội ngũ cán bộ tham mưu quản lý công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, viên chức quản lý và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cơ hữu được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng cơ bản về chuyên môn, năng lực quản lý, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề. Các chương trình đào tạo nghề đảm bảo theo tiêu chuẩn; phương pháp đào tạo nghề được đổi mới. Nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn được cân đối, bố trí cơ bản phù hợp. Giai đoạn 2012-2023 có 78.187 lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề, sau đào tạo có trên 80% lao động có việc làm, năng suất lao động, thu nhập của người dân được tăng lên. Kết quả đào tạo nghề đã góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 29,73%; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực,



Xưởng dệt ở bản Trung Chải - xã Sùng Phài - TP Lai Châu

chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ; đảm bảo an ninh lương thực; tạo việc làm, tăng thu thập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

Tuy nhiên, đào tạo nghề cho lao động nông thôn thời gian qua chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu của thị trường lao động trong nước, quốc tế; lao động nông thôn chủ yếu đào tạo nghề ở trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng, chất lượng đào tạo nghề chưa cao; các điều kiện đảm bảo công tác đào tạo nghề còn bất cập; chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp; việc chuyển đổi cơ cấu ngành nghề đào tạo từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp còn chậm.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên chủ yếu là do nhận thức của một số cấp ủy, chính

quyền cơ sở về vai trò của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa đầy đủ; việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng về dạy nghề ở một số địa phương còn chậm; công tác xác định một số nghề đào tạo chưa sát với quy hoạch, định hướng; cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo chưa đồng bộ; đội ngũ nhà giáo cơ hữu còn thiếu, đặc biệt là các nghề phi nông nghiệp; một bộ phận người lao động còn tâm lý ngại học, ngại chuyển đổi nghề nghiệp; trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhu cầu sử dụng lao động ít; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương trong công tác đào tạo nghề có thời điểm chưa thường xuyên.

Đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh, nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ hàng đầu; nông dân tiếp tục là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Để công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững và thực chất, ngày 10/7/2024, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 56-CTr/TU về thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Chương trình đã đưa ra mục tiêu phấn đấu hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 4.700 lao động nông thôn, góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt trên 30% vào năm 2025 và trên 32% vào năm 2030. Để đạt được mục tiêu đó, cần thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như:

Trước tiên cần đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Cập nhật nghề, chuẩn hóa chương trình, nội dung đào tạo, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành nghề trọng điểm; tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp, kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, pháp luật, kinh doanh, khởi nghiệp, các kỹ năng mềm và đổi mới sáng tạo cho lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Coi trọng thực hành, nhất là từ thực tiễn sản xuất, kinh doanh; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển

đổi số trong tất cả các khâu của quá trình đào tạo. Nghiên cứu tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hướng mở, linh hoạt. Phát huy tính chủ động của người học, gắn kết đào tạo nghề với học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập ở khu vực nông thôn, góp phần xây dựng giai cấp nông dân phát triển toàn diện, có ý chí, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Bên cạnh đó cần đổi mới căn bản công tác hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục phổ thông phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư vấn nghề; tập trung đào tạo lại nguồn nhân lực nông thôn, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, gắn với bảo tồn, phát huy không gian văn hóa khu vực nông thôn, tận dụng lợi thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại.

Đi cùng với đó là tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Một giải pháp quan trọng là đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho người dân, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số khu vực nông thôn; phát triển nguồn nhân lực tay nghề cao. Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với phương thức sản xuất tiên tiến, hiện đại, phù hợp với nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao; thúc đẩy tích hợp đa giá trị, nâng cao giá trị gia tăng, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trên địa bàn tỉnh. Có chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển kinh tế tập thể khu vực nông thôn.

Triển khai, thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhất là hỗ trợ về vốn, phương tiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu việc làm sau học nghề. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác đào tạo nghề, nhất là ở những ngành, nghề, những nơi có điều kiện. Mặt khác, cần khuyến khích tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn...

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI PHÁT TRIỂN NÔNG DÂN, NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Lê Ngọc

Năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 923/QĐ-TTg, ngày 02/08/2022 về “Phê duyệt chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”. Nội dung chính của chương trình này là: Nghiên cứu hoàn thiện và đổi mới cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Nghiên cứu các giải pháp phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn bền vững; Xây dựng các mô hình nông thôn mới trên cơ sở ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ để phát triển kinh tế, xã hội; Thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

Lai Châu là một trong những địa phương đang thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới với nhiều kết quả quan trọng đã đạt được trong hơn một thập kỷ qua. Từ việc số lượng các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới tăng lên hàng năm, Lai Châu cũng quan tâm đến nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, trong đó có việc phát triển KH&CN gắn với xây dựng nông thôn mới. Đảng bộ và chính quyền tỉnh đã đưa ra nhiều chính sách liên quan đến vấn đề này, trong đó có thể kể đến như: Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 35-CTr/TU, ngày 05/5/2023 về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới; Chương trình hành động số 50-CTr/TU ngày 23/4/2024 thực hiện Kết luận số 69-KL/TW, ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội



Ứng dụng các tiến bộ KH&CN vào sản xuất được triển khai rộng khắp trên địa bàn tỉnh

chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 4822/KH-UBND ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025.

Nội dung của các chính sách này tập trung vào nhiều vấn đề khác nhau, mà quan trọng nhất là khẳng định vai trò của khoa học và công nghệ đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó dành sự quan tâm lớn nhất là khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Kế hoạch số 4822/KH-UBND ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025 nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế tỉnh Lai Châu.

Kế hoạch hướng tới mục tiêu cụ thể:

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách làm cơ sở lý luận và thực tiễn thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

Đề xuất các giải pháp khoa học, ứng dụng công nghệ đảm bảo tăng hiệu quả kinh tế tối thiểu 15%, đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; ít nhất 70% mô hình triển khai trong Kế hoạch được tiếp tục triển khai, nhân rộng.

Xây dựng, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù, phát huy được thế mạnh của các địa phương trong tỉnh; tối thiểu 25% mô hình triển khai trong Kế hoạch được thực hiện ở các xã đặc biệt khó khăn, góp phần đẩy nhanh tiến độ đạt được các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Để thực hiện được những mục tiêu đó, Kế hoạch tập trung thực hiện những nội dung:

Thực hiện truyền thông nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung và kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; Thực hiện các tin bài, phóng sự phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật trên Báo Lai Châu, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Website của Sở Khoa học và Công nghệ, Bản tin khoa học và công nghệ tỉnh Lai Châu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Trang thông tin điện tử của UBND các huyện, thành phố,... nhằm nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

Nghiên cứu, sửa đổi hoặc ban hành mới và tổ chức triển khai có hiệu quả cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi hoặc ban hành mới các chính sách thu hút thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số, nông nghiệp sinh thái; phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế cao. Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân, chủ thể OCOP áp dụng khoa học và công nghệ, máy móc, trang thiết bị vào sản xuất, bảo quản, chế biến sau thu hoạch; truy xuất nguồn gốc, các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, thực hành nông nghiệp tốt (GAP)... nhằm hình thành các mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy liên kết sản xuất và phát triển thị trường theo

chuỗi giá trị nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP.

Nghiên cứu các giải pháp phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn bền vững: Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên: Nghiên cứu các giải pháp ứng dụng công nghệ số trong quản trị nông thôn, xã hội hóa công nghệ thông tin trong quản lý cộng đồng; nghiên cứu giải pháp thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất và kinh doanh theo chuỗi giá trị, phát triển kinh tế tuần hoàn; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để phát triển hạ tầng nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm văn hóa, kinh tế, xã hội tại các địa phương trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu giải pháp thúc đẩy kết nối nông thôn - đô thị thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với đô thị; nghiên cứu bảo vệ môi trường nông thôn trong xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Tổ chức thực hiện 17 nhiệm vụ khoa học và công nghệ để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; 01 nhiệm vụ về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phục vụ xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho 05 sản phẩm OCOP; hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp cho 10 sản phẩm.

Xây dựng các mô hình nông thôn mới trên cơ sở ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ để phát triển kinh tế, xã hội: Xây dựng mô hình hợp tác, liên kết ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển sản xuất, sơ chế và chế biến nông, lâm, thủy sản theo hướng an toàn, hữu cơ. Dự kiến thực hiện 08 mô hình hợp tác, liên kết trồng và chế biến cây dược liệu, lúa, cá,... đạt tiêu chuẩn GAP phục vụ xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng mô hình khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển kinh tế rừng; trồng và bảo vệ rừng; phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Dự kiến thực hiện 07 mô hình khai thác phát triển nguồn gen, quy trình nhân giống đối với một số cây trồng đặc hữu, có thế mạnh của địa phương như: Trà hoa đỏ, hà thủ ô đỏ, ba kích tím, trám, giổi, chanh leo.

TỔNG KẾT HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH LAI CHÂU LẦN THỨ VI

Phạm Loan



Đồng chí Tổng Thanh Hải - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh trao giải Nhất cho các tác giả và nhóm tác giả đạt giải (Nguồn: laichau.gov.vn)

Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Lai Châu lần thứ VI năm 2024 tổ chức nhằm thúc đẩy phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống. Sau 1 năm phát động, Hội thi đã thu hút được đông đảo tổ chức, cá nhân tham gia, Ban tổ chức tổng hợp có 37 hồ sơ, mô hình, sản phẩm đăng ký tham gia trên 5 lĩnh vực: Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông, vật liệu, hóa chất, năng lượng (05 giải pháp); cơ khí, điện, tự động hóa, xây dựng, giao thông vận tải (08 giải pháp); nông, lâm, ngư nghiệp và môi trường (15 giải pháp); Y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo (03 giải pháp); quản lý và các lĩnh vực khác (06 giải pháp). Số lượng các hồ sơ đăng ký tăng so với lần thứ V, nhiều đề tài công phu và chất lượng, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

Hồ sơ, mô hình sản phẩm tham dự Hội thi được kiểm tra, đánh giá ngay từ đầu. Những giải pháp sao chép từ trên mạng Internet, các tài liệu kỹ thuật, những sáng kiến chỉ dừng ở ý tưởng, không có sản phẩm, mô hình cụ thể sẽ bị loại khỏi Hội thi. Sáng kiến, cải tiến kỹ thuật có mô hình, sản phẩm cụ thể, đưa vào sản xuất, đời sống mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, nhưng tác giả không thể hiện được ý tưởng của mình thì được Liên hiệp trực tiếp hướng dẫn cách viết, lập hồ sơ.

Hội thi sáng tạo kỹ thuật được tổ chức 2 năm một lần nhằm thúc đẩy phong trào lao động, sáng tạo, khai thác và phát huy tiềm năng sáng tạo KH&KT của toàn dân, thúc đẩy phong trào thi đua, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, áp dụng các thành tựu khoa học, áp dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Qua hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật ghi nhận và tôn vinh công lao của các nhà sáng tạo có giải pháp kỹ thuật hữu ích, các sáng kiến hay đã được áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Các giải pháp đạt giải Hội thi Sáng tạo kỹ thuật lần thứ VI đều bảo đảm các tiêu chí về tính mới, tính sáng tạo, có khả năng áp dụng với quy mô rộng đồng thời mang lại hiệu quả nhiều mặt về kinh tế, xã hội. Ban tổ chức cuộc thi đã tổng kết và trao 21 giải thưởng cho các tập thể và cá nhân đạt giải, gồm: 3 giải Nhất, 6 giải Nhì, 6 giải Ba, và 6 giải Khuyến khích. Trong đó, 3 giải Nhất thuộc về: Giải pháp số hóa và phân tích dữ liệu đặc tính tuabin thủy lực Francis, phục vụ công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện, áp dụng thực tế với đặc tính tuabin nhà máy thủy điện Sơn La, Lai Châu của Công ty thủy điện Sơn La - Lai Châu, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn; Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào trồng, sản xuất Sâm Lai Châu tập trung, trở thành mặt hàng nông nghiệp chủ lực của tỉnh Lai Châu của Công ty Cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Thái Minh - Bản Sảng Phìn, xã Xà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ; Làm nhà tổ ong theo phong tục, tập quán của dân tộc Mông để thu hút khách du lịch lưu trú tại bản du lịch Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ của bản Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ.

Theo đánh giá của Ban Tổ chức, các giải pháp đạt giải đều xuất phát từ thực tế lao động, sản xuất, nghiên cứu và học tập; mang tính thực tiễn, có tính sáng tạo, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội; là động lực quan trọng thúc đẩy người dân và doanh nghiệp tích cực tìm hiểu, nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG TRONG KINH DOANH XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU NĂM 2024

Nguyễn Hợp

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh

Thực hiện Quyết định số 250/QĐ-SKHCN ngày 29/12/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng năm 2024; Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thành lập Đoàn và tổ chức kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2024.

Thời gian kiểm tra diễn ra trong 30 ngày, bắt đầu từ trung tuần tháng 10 năm 2024, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra 52 cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Lai Châu, tập trung vào các nội dung quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu tại Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015, bao gồm: Kiểm tra tính pháp lý trong

định tại Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015; Kiểm tra việc thực hiện ghi nhãn, niêm yết giá bán, thời gian bán hàng quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Kiểm tra việc công bố chủng loại nhiên liệu theo quy định; Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 hoặc Hệ thống quản lý chất lượng chuyên ngành dầu khí theo tiêu chuẩn ISO/TS 29001.

Qua kết quả kiểm tra cho thấy, có 52/52 đơn vị kinh doanh xăng dầu đã thực hiện ghi nhãn, niêm yết giá bán, thời gian bán hàng đúng quy định; có đủ chứng chỉ chất lượng đối với lô hàng xăng - dầu nhập lần gần nhất; công bố đúng chủng loại nhiên liệu (xăng RON 95, xăng E5 RON 92, dầu DO 0,05S, dầu DO 0,001S) theo quy định; thực hiện lấy mẫu, niêm phong mẫu, bàn giao mẫu và lưu mẫu xăng dầu theo quy định. Tuy nhiên vẫn còn 01/52 cửa hàng chưa xây dựng kế hoạch và tự kiểm tra cột bơm định kỳ; 07/52 cửa hàng đọc và ghi sai kết quả tự kiểm tra các cột đo xăng, dầu tại cửa hàng; có 02/52 cửa hàng chưa chuyển đổi tên công ty trong các quy trình của HTQLCL ISO 9001; 02/52 cửa hàng trang bị chưa đầy đủ các bình chuẩn; còn 03/52 cửa hàng lưu giữ hồ sơ chưa khoa học.

Đoàn kiểm tra tiến hành lấy 03 mẫu: Xăng RON 95; Xăng E5 RON 92; Dầu DO 0,05S đem thử nghiệm chất lượng tại Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Kết quả thử nghiệm: Cả 03 mẫu xăng, dầu trên đều phù hợp với mức cho phép tại QCVN 1:2022/BKHCN).

Nhìn chung, về cơ bản các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong kinh doanh xăng dầu, việc lưu trữ hồ sơ cơ bản đầy đủ, khoa học; Kết quả kiểm tra về đo lường đều trong giới hạn sai số cho phép; kết quả kiểm tra về chất lượng đều phù hợp với mức cho phép tại

(Xem tiếp trang 31)



Viên chức TTKĐ&PTKHCN kiểm định cột bơm xăng dầu

hoạt động kinh doanh xăng dầu; Kiểm tra việc kiểm định phương tiện đo sử dụng trong kinh doanh xăng dầu; Kiểm tra sự phù hợp của cột đo xăng dầu với quy định về phê duyệt mẫu, kiểm định theo quy định; Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo (cột đo xăng dầu) với quy định về thể hiện yêu cầu kỹ thuật đo lường cơ bản trên phương tiện đo hoặc trên nhãn hàng hóa, tài liệu kèm theo; Kiểm tra sai số của kết quả phép đo so với giới hạn sai số cho phép; Kiểm tra việc trang bị phương tiện đo đối chứng theo quy

NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP KỸ THUẬT NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG THẢO QUẢ Ở LAI CHÂU VÀ MỘT SỐ TỈNH VÙNG NÚI PHÍA BẮC

Lê Ngọc

Thảo quả là loài cây lâm sản ngoài gỗ (LSNG), có giá trị dược liệu và giá trị kinh tế cao, phân bố chủ yếu ở một số tỉnh phía Bắc Việt Nam là Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Yên Bái, Cao Bằng... với độ cao từ 1.000 - 2.500m so với mực nước biển. Tổng diện tích hiện nay vào khoảng 24.161 ha với sản lượng quả khô vào khoảng trên 5.000 tấn và cho nguồn thu hàng trăm tỉ đồng cho

và công nghệ sơ chế, chế biến Thảo quả còn thô sơ, lạc hậu, từ đó ảnh hưởng tới năng suất quả vụ sau, chất lượng sản phẩm sau sơ chế, chế biến thấp và ảnh hưởng trực tiếp giá bán sản phẩm. Vì vậy, việc nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật nâng cao năng suất và chất lượng Thảo quả (*Amomum aromaticum Roxb*) ở Lai Châu và một số tỉnh vùng núi phía Bắc là rất cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Mục tiêu của đề tài: Xác định được nguyên nhân làm suy giảm năng suất, chất lượng Thảo quả ở các tỉnh vùng núi phía Bắc và đề xuất được một số giải pháp kỹ thuật cần áp dụng ngay để ngăn chặn việc suy giảm năng suất, chất lượng Thảo quả ở Lai Châu và một số tỉnh vùng núi phía Bắc. Chọn được ít nhất 3 giống Thảo quả có năng suất cao hơn giống đang sản xuất đại trà tại địa phương ít nhất 20% (tương đương 300kg quả khô/ha/năm), hàm lượng tinh dầu đạt trên 1,5%, có khả năng chống chịu với điều kiện bất lợi cao tại vùng núi phía Bắc; Mô hình trồng thâm canh kết hợp vườn cung cấp giống có năng suất cao hơn giống đang sản xuất đại trà tại địa phương ít nhất 20% (tương đương 300kg quả khô/ha/năm), hàm lượng tinh dầu đạt trên 1,5%; Xây dựng được các qui trình kỹ thuật: nhân giống (vô tính và hữu tính); trồng thâm canh các giống đã chọn đạt năng suất cao hơn 20% so với sản xuất đại trà, hàm lượng tinh dầu đạt trên 1,5%; cải tạo vườn Thảo quả có năng suất cao hơn 20% so với trước cải tạo; công nghệ thu hoạch, sơ chế và bảo quản Thảo quả khô đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường, sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Đề tài đã đạt được kết quả sau:

1. Đã nghiên cứu các đặc điểm sinh học của các giống/xuất xứ Thảo quả:

Đặc điểm hình thái: Không có sự khác biệt nhiều về hình thái thân ngầm, thân khí sinh, chồi, lá, hoa giữa các giống/xuất xứ; dựa vào cây phân loại hình thái quả có thể phân thành 2 nhóm có đặc điểm quả tương đối gần nhau.



Hình 3.65. Thí nghiệm ảnh hưởng của phân bón trong cải tạo rừng Thảo quả suy giảm năng suất

người dân và ngân sách địa phương mỗi năm, góp phần vào xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, thay thế, xóa bỏ trồng cây thuốc phiện đồng thời góp phần vào bảo vệ và phát triển rừng.

Việc canh tác Thảo quả chủ yếu vẫn mang tính quảng canh, truyền thống, chưa tiếp cận và áp dụng các tiến bộ về giống, kỹ thuật thâm canh nên năng suất gây trồng Thảo quả thấp (dưới 300 kg quả khô/ha). Việc gây trồng của người dân không đúng kỹ thuật đã ảnh hưởng rất lớn đến cấu trúc và khả năng tái sinh của rừng tự nhiên. Do đó, các địa phương phải hạn chế hoặc không khuyến khích mở rộng diện tích gây trồng Thảo quả. Song song với đó, việc thu hoạch cũng chưa đúng kỹ thuật, thời vụ do nhiều lý do chủ quan

Đa dạng di truyền của các giống Thảo quả trong khoảng từ 64 - 100%. Các cá thể nghiên cứu có mối quan hệ tương đối thân thiết. Dựa vào cây phân loại hình thái và di truyền, xác định Thảo quả tại vùng núi phía Bắc phân thành 2 nhóm chính: Thảo quả vùng cao (phổ biến trên 1.400m) và Thảo quả vùng thấp (phổ biến dưới 1.300m).

Tỉ lệ diệp lục a/b của các mẫu thu được tại các tỉnh đều đạt dưới 1,57 cho thấy Thảo quả là loài chịu bóng.



Hệ thống sấy thảo quả được nhóm nghiên cứu chế tạo

Thảo quả được gây trồng tại các địa điểm có đặc điểm sinh thái gồm: Nhiệt độ từ 18,0 - 22,7°C, lượng mưa 1.477,0 mm - 2.994,0 mm. Độ ẩm không khí đạt từ 82,0% - 85,0%; độ tàn che phổ biến từ 0,1 - 0,3; đất cát pha đến các loại đất thịt đến các loại đất sét, giàu mùn; Tổ thành loài tầng cao chủ yếu là loài lá rộng thường xanh và một số ít loài rụng lá.

Đặc điểm sinh trưởng và sinh sản: Mật độ bụi đạt từ 1.520 - 2.720 bụi/ha, đường kính TKS từ 3,82 - 4,06cm, chiều cao TKS đạt từ 2,82 - 3,00m, từ 2,6 - 13,9 chùm/bụi, từ 4,0 - 14,4 quả/chùm. Năng suất quả trung bình đạt từ 0,1 - 2,2 kg tươi/bụi.

Hàm lượng tinh dầu Thảo quả đạt từ 2,11 tại Yên Bái đến 4,15% tại Lào Cai. Tinh dầu Thảo quả có 30 thành phần trong đó có 3 thành phần chiếm chủ yếu là cineol 1,8, decenal và geranial;

2. Đã nghiên cứu hiện trạng sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ, xác định nguyên nhân suy giảm năng suất, chất lượng sản phẩm thảo quả gây trồng và đề xuất một số giải pháp kỹ thuật

Tổng diện tích Thảo quả khoảng 34.335ha dưới tán rừng tự nhiên và 10,6ha dưới tán rừng trồng (tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lào Cai, Hà

Giang và Lai Châu). Năng suất trung bình tại Lai Châu và Lào Cai cao nhất, dao động từ 323 - 395 kg khô/ha/năm, tại Hà Giang thấp nhất với chỉ 107 - 130kg khô/ha/năm.

Về nguồn giống, chọn và nhân giống: Sản xuất giống không có chọn lọc, hạt giống được thu và gieo ngay tại bìa rừng, không chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại. Cây giống đem trồng không đồng đều về kích thước, sức sống, sinh trưởng kém, dễ bị sâu bệnh hại.

Về kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch: Trồng theo phương thức quảng canh, mật độ trồng cao (trên 1.800 cây), ít chăm bón; thu hoạch từ tháng 8, quả thường còn non, tỉ lệ hao hụt lớn, hàm lượng và chất lượng tinh dầu thấp.

Về sơ chế, chế biến: Bằng lò thủ công được đào ngay tại rừng là chủ yếu, gây ra những hệ quả cho môi trường rừng và chất lượng quả Thảo quả sau khi sấy không đồng đều, không đủ độ khô bảo quản, hao hụt lớn...

Về thị trường Thảo quả: Chủ yếu là thị trường Trung Quốc (chiếm trên 90%), xuất thông qua đường tiểu ngạch.

Các nguyên nhân gây suy giảm năng suất, chất lượng Thảo quả gồm: Nguồn giống không có xuất xứ rõ ràng, lẫn giống, không có chọn giống, nhân giống theo phương thức quảng canh...; biến đổi khí hậu (băng giá, tuyết, mưa đá, khô hạn...); trồng theo phương thức quảng canh với mật độ cao, không chăm sóc, vun xới thường xuyên...; độ tàn che quá thấp; đất trồng độ ẩm thấp, xa nguồn nước, độ xói, hàm lượng mùn thấp, độ dày tầng đất mỏng, độ pH thấp...; thu hoạch quá sớm, quả còn non, chất lượng quả thấp, công nghệ sấy bằng lò thủ công thô sơ, lạc hậu gây ảnh hưởng đến rừng và môi trường, giảm chất lượng quả sau sấy.

Một số giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng Thảo quả gồm: Chọn giống có năng suất cao, chống chịu tốt với sâu bệnh và điều kiện bất lợi từ tự nhiên, quản lý giống và áp dụng kỹ thuật mới trong nhân giống; chọn khu vực trồng và đất trồng phù hợp; áp dụng kỹ thuật trồng thâm canh, chăm sóc 2-3 lần/năm; áp dụng các công nghệ sấy mới.

3. Đã nghiên cứu chọn giống, nhân giống Thảo quả có năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu cao với điều kiện bất lợi ở các tỉnh vùng núi phía Bắc

(Xem tiếp trang 28)

CHĂN NUÔI TẬP TRUNG THEO HƯỚNG AN TOÀN SINH HỌC - GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH CHĂN NUÔI BỀN VỮNG

Hồng Hạnh

Nhiều hộ dân trên địa bàn huyện Than Uyên hiện nay có xu hướng phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng an toàn sinh học. Bởi, đây là giải pháp hữu hiệu vừa phòng ngừa dịch bệnh, tiết kiệm chi phí, vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường mà còn mang lại nguồn thu nhập cao và ổn định.



Việc chăn nuôi tập trung đem lại hiệu quả cho người nông dân

Huyện Than Uyên hiện có 47 cơ sở chăn nuôi trâu, bò (quy mô từ 20 con/cơ sở trở lên), 25 cơ sở chăn nuôi lợn (quy mô từ 60 con/cơ sở trở lên) theo hướng đảm bảo an toàn sinh học và mang lại hiệu quả cao. Điển hình như cơ sở chăn nuôi trâu, bò của Hợp tác xã (HTX) Dung Bảo (bản Sen Đông, xã Mường Than), quy mô hơn 100 con. HTX thiết kế khu chăn nuôi rộng hơn 1.000m² với quy trình khép kín. Để việc chăn nuôi hiệu quả và không gây ô nhiễm môi trường, ngoài chú trọng khâu vệ sinh chuồng trại, việc xử lý rác thải cũng được đặc biệt quan tâm. HTX tận dụng chất thải vừa làm hầm biogas lấy nhiên liệu đun nấu, vừa làm phân bón cho 5ha cỏ voi. Vì thế, toàn bộ diện tích cỏ voi quanh năm xanh tốt, phục vụ nhu cầu chăn nuôi, bán cho các hộ trong vùng. Bên cạnh chăn nuôi trâu, bò, HTX Dung Bảo còn xây dựng hệ thống chuồng nuôi lợn khép kín với quy mô từ 100 - 200 con, góp phần nâng cao thu nhập cho các thành viên và người lao động.

Anh Kiều Văn Dung - Giám đốc HTX Dung Bảo chia sẻ: “Từ khi chăn nuôi tập trung theo hướng an toàn sinh học, các loại dịch bệnh trên

đàn vật nuôi của HTX hầu như không có. Bởi, HTX thực hiện nghiêm công tác phòng bệnh như: Xử lý chuồng trại, thức ăn, nước uống và vệ sinh môi trường chăn nuôi. Doanh thu cũng tăng lên đáng kể; tạo việc làm thường xuyên cho 7 lao động, với mức lương từ 4,5 - 6 triệu đồng/người/tháng và 10 lao động thời vụ, với số tiền công 150 nghìn đồng/người/ngày”.

Cũng là một trong những hộ chăn nuôi lợn tập trung theo hướng an toàn sinh học, gia đình anh Kiều Thanh Yên (bản Sam Sầu, xã Phúc Than) đầu tư, phát triển trang trại chăn nuôi lợn, quy mô gần 2.000 con lợn thương phẩm và 260 lợn nái. Trong quá trình chăn nuôi, gia đình anh thực hiện tốt các quy định như: Tắm, thay quần - áo, đeo khẩu trang, đi qua phòng khử khuẩn trước khi vào trang trại chăn nuôi. Gia đình anh Yên còn đầu tư xây dựng các dãy chuồng đều có quạt thông gió, dàn mát, camera giám sát... Từ đầu năm đến nay, gia đình anh Yên xuất ra thị trường hơn 100 tấn lợn hơi; tạo việc làm cho 7 lao động với mức thu nhập từ 6 - 12 triệu đồng/người/tháng.

Việc phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng an toàn sinh học đã giúp người dân giảm chi phí (nhất là công chăm sóc), giảm giá thành trong chăn nuôi. Cùng với đó, năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi tăng cao làm tăng hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi. Qua đánh giá, đối với các cơ sở chăn nuôi trâu, bò tập trung theo hướng an toàn sinh học trung bình mang lại lợi nhuận 1,5 triệu đồng/con gia súc/năm. Đối với các cơ sở chăn nuôi lợn, mỗi lứa lợn khoảng 3,5 - 4 tháng, với giá lợn hơi trung bình từ 60 - 65 nghìn đồng/kg như hiện nay, lợi nhuận sau trừ chi phí trung bình đạt 1 - 1,2 triệu đồng/con.

Từ những lợi ích “kép” khi chăn nuôi gia súc tập trung theo hướng an toàn sinh học mang lại đã giúp nhiều hợp tác xã, hộ gia đình trên địa bàn huyện Than Uyên có thu nhập cao và phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi hiệu quả. Đây là tín hiệu tốt để cơ quan chuyên môn của huyện tập trung tuyên truyền, vận động các chủ trang trại, hộ chăn nuôi mở rộng quy mô để nâng cao thu nhập.

HIỆU QUẢ ÁP DỤNG HỆ THỐNG TƯỚI CÂY TỰ ĐỘNG THÔNG MINH

Xuân Hoàng

Hiện nay, các phương pháp nông nghiệp thông minh khá phổ biến và được nhiều người nông dân sử dụng qua nhiều phương thức khác nhau. Một số ứng dụng được kể đến như luân canh cây trồng, qua phương thức chăm phân tự động và một trong phương pháp được ưu tiên dùng hơn cả có thể kể đến hệ thống tưới tự động thông minh. Anh Trần Đình Vượng ở bản Tân Bình, xã Bình Lư, huyện Tam Đường đã mạnh dạn áp dụng công nghệ này trong việc trồng rau trong nhà lưới. Giúp mỗi năm tiết kiệm được trên 30 triệu đồng tiền nhân công lao động, trên 20 triệu đồng tiền điện, nước.

Những năm gần đây, bà con nông dân trong tỉnh đã mạnh dạn đầu tư kinh phí, đưa công nghệ tưới phun tự động vào sản xuất nông nghiệp nhằm tiết kiệm công sức, thời gian và nâng cao năng suất, tạo sản phẩm của cây trồng đảm bảo chất lượng cũng như mẫu mã đẹp. Qua đó, đã góp phần làm tăng lợi nhuận kinh tế cho các hộ dân. Điển hình là gia đình anh Trần Đình Vượng, bản Tân Bình, xã Bình Lư, huyện Tam Đường. Với quy mô trên 1.200 m², trước đây, gia đình anh phải mất rất nhiều nhân công để tưới cho toàn bộ diện tích rau này, rất tốn kém tiền điện và nước. Từ tháng 7/2022, sau khi học hỏi trên truyền hình và internet, gia đình anh đã tiến hành áp dụng hệ thống tưới cây thông minh, quản lý nhiệt độ, độ ẩm, dinh dưỡng trong nhà lưới có điều khiển từ xa, bằng điện thoại. Từ khi áp dụng hệ thống này, sản lượng rau đạt cao hơn, gia đình anh không phải tốn kém tiền thuê nhân công lao động. Anh Trần Đình chia sẻ: “Trước đây bà con thường tưới nước bằng tay, mất nhiều ngày công và hiệu quả kinh tế không cao. Tôi đã học hỏi trên truyền hình, tôi đã sử dụng hệ thống tưới, mang lại hiệu quả cao, tiền điện giảm, tiết kiệm nước, tăng thu nhập cho gia đình, lúc chưa có hệ thống, gia đình thu được 20 triệu/năm, nhờ có hệ thống tưới này, gia đình tôi đã cho thu nhập được 70-80 triệu”.

Với phương pháp tưới ổn định, dòng nước không quá mạnh cũng không quá yếu nên không gây hư phần của rau màu, làm sạch bụi bẩn trên



Toàn bộ hệ thống tưới cây tự động của anh Vượng có thể điều khiển thông qua điện thoại thông minh. (Nguồn: laichau.gov.vn)

bề mặt lá, hạn chế sâu bệnh hại, giúp cây sinh trưởng tốt. Đặc biệt, mẫu mã rau sau thu hoạch rất đẹp, đảm bảo chất lượng, được thị trường các tỉnh và siêu thị ưa chuộng. Anh Vượng cho biết thêm: “Hệ thống tưới cây tự động thông minh rất dễ áp dụng. Tôi đã sử dụng điện thoại để điều khiển tưới nước tự động cho rau mang lại hiệu quả rõ rệt về kinh tế và chất lượng rau. Trong thời gian tới tôi cũng sẽ tiếp tục mở rộng và tuyên truyền nhiều gia đình áp dụng để mang lại hiệu quả kinh tế.” Từ hiệu quả của hệ thống tưới cây này đã có hàng chục hộ gia đình trong bản đến học hỏi và áp dụng vào việc sản xuất nông nghiệp của gia đình mình.

Trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng rau trong nhà màng và áp dụng hệ thống tưới nước tự động là một trong những giải pháp tạo ra sản phẩm sạch, an toàn. Nhận thấy điều này, anh Vượng đã đầu tư trên 200 triệu đồng để làm nhà màng, hệ thống tưới nước tự động. Từ hiệu quả của hệ thống tưới cây này đã có hàng chục hộ gia đình trong bản đến học hỏi và áp dụng vào việc sản xuất nông nghiệp của gia đình. Đến nay bản Tân Bình đã có 6 hộ đến học hỏi và làm theo như anh: Nguyễn Duy Đức, Trần Đình Thống, Hoàng Đình Tiến, Nguyễn Văn Nghĩa, Đinh Danh Thường...với quy mô khoảng trên 1 ha.

(Xem tiếp trang 31)

ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT TRONG NUÔI GÀ ĐẼ TRỨNG

Quốc Huy

Là một trong những hộ nông dân đi đầu trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong nuôi gà đẻ, hiện tại gia đình anh Hà Văn Yên ở bản Bản Giang, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, sau khi được vay vốn từ quỹ hỗ trợ của Hội nông dân tỉnh đã mạnh dạn đầu tư chuồng trại và nuôi thường xuyên 3.000 con gà đẻ trứng giống gà CP-T1, hàng ngày xuất ra thị trường gần 3.000 quả trứng có chất lượng tốt. Đây là giống gà cho năng suất trứng tối ưu, với tỷ lệ đẻ cao và kéo dài, đạt 319 trứng/năm. Đặc biệt, trứng có vỏ dày, màu trắng hồng tự nhiên, cùng với hàm lượng dinh dưỡng cao, rất phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Không những vậy, giống gà CP-T1 còn có sức đề kháng tốt, độ đồng đều cao và khả năng thích nghi trong các điều kiện chăn nuôi khác nhau.

Theo anh Yên chia sẻ: “Gia đình tôi hiện có một trang trại gà với diện tích gần 10.000m² với số lượng 3000 con gà giống gà CP-T1 được nuôi trên chuồng lồng rất sạch sẽ hàng ngày đẻ gần 3000 quả trứng gà. Gia đình luôn chú trọng quản lý chặt chẽ tất cả các khâu trong quy trình sản xuất con giống, từ khâu chăm sóc, nuôi dưỡng đàn gà bố mẹ, đến khâu ấp nở gà con ở nhà máy ấp. Chúng tôi kết hợp hiệu quả giữa xây dựng một môi trường sống tối ưu và chế độ chăm sóc đúng kỹ thuật trong quá trình chăn nuôi đàn gà giống bố mẹ CP-T1. Đồng thời, đàn gà bố mẹ được chủng ngừa vaccine các bệnh truyền nhiễm quan trọng trên gà và lấy mẫu máu kiểm tra kháng thể định kỳ mỗi tháng một lần. Việc này không những giúp tạo ra miễn dịch để phòng bệnh cho gà bố mẹ mà còn truyền kháng thể cho gà con, bảo vệ gà con trong giai đoạn đầu đời.”

Để đảm bảo môi trường sống sạch cho gà sinh sản, anh Yên chọn cách chăn nuôi ứng dụng đệm lót sinh học, đã gia đình giảm chi phí đầu tư đáng kể. Việc ứng dụng đệm lót sinh học còn góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn dịch bệnh và nâng cao chất lượng sản phẩm. Việc cải tiến phương pháp chăn nuôi so với cách làm truyền thống đã giảm thiểu chi phí đầu tư và tăng lợi nhuận cho gia đình mà vẫn đảm bảo thân thiện với môi trường. Về chế độ ăn cần bổ sung các



Công nhân cho gà ăn tại trang trại của gia đình anh Yên

loại vitamin vào thức ăn hàng tuần cũng là giải pháp hiệu quả quản lý tốt dịch bệnh cho đàn gà khi thời tiết thay đổi, qua đó giúp gà tăng sức đề kháng, hạn chế sử dụng kháng sinh.

Đánh giá về hiệu quả mô hình nuôi gà CP-T1 mang lại, ông Vàng Văn Lĩnh- Chủ tịch Hội nông dân xã Bản Giang, cho biết: Sử dụng giống gà đẻ trứng CP-T1 có sản lượng trứng cao hơn 30% so với giống gà ta thả vườn, nếu áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, đảm bảo 3 nguyên tắc: Giữ khoảng cách và kiểm soát ra vào, giữ vệ sinh và chủ động tiêu diệt mầm bệnh bằng vệ sinh và khử trùng sẽ giúp kiểm soát tốt dịch bệnh, giữ cho gà khỏe mạnh và có năng suất cao, đồng thời giảm chi phí thuốc thú y, tăng thêm thu nhập cho người chăn nuôi, cung cấp cho người tiêu dùng các sản phẩm gia cầm có chất lượng cao hơn.

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi đã đem lại cho gia đình anh Yên một khoản thu nhập đáng kể, đồng thời tạo công ăn việc làm cho 5 lao động thu nhập ổn định với số tiền 5 triệu đồng/người/tháng. Anh Yên cũng chia sẻ hiện nay sản phẩm trứng của gia đình là sản phẩm sạch tuy nhiên chưa được người tiêu dùng biết đến, anh mong muốn các cấp hội giúp đỡ tiếp tục thu mua sản phẩm trứng của hộ và giới thiệu con giống cho những khách hàng có nhu cầu, cũng như tiếp tục phối hợp với các cơ quan quản lý để khảo sát, thẩm định cấp giấy chứng nhận sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất nguồn gốc để người tiêu dùng an tâm sử dụng sản phẩm trứng từ trang trại.

HUYỆN TAM ĐƯỜNG

Phát triển Sâm Lai Châu

Huyện - Loan



Vườn ươm cây sâm 1 năm tuổi của gia đình anh Sơn

Với tiềm năng, lợi thế diện tích rừng tự nhiên rộng, mây mù che phủ quanh năm, khí hậu trong lành, mát mẻ, huyện Tam Đường tạo điều kiện thuận lợi cho tập thể, cá nhân mở rộng diện tích trồng cây sâm Lai Châu. Qua đó, nhằm bảo tồn, phát triển giống sâm quý hiếm, đem lại giá trị kinh tế cao.

Từ năm 2017, huyện chỉ có duy nhất gia đình anh Phan A Sơn mạnh dạn liên kết với 4 hộ dân tại thành phố Lai Châu và Hà Nội đầu tư mô hình trồng hơn 2.000m² cây sâm Lai Châu. Đến tháng 5/2023, anh Sơn góp đất, tham gia Hợp tác xã (HTX) Bảo tồn và Phát triển giống sâm Lai Châu có tổng vốn điều lệ 5 tỷ đồng, đầu tư quy mô rộng 5ha, tăng gấp nhiều lần so với trước đây. HTX có 7 thành viên, tạo việc làm cho hơn 20 lao động thường xuyên, thu nhập bình quân 10 triệu đồng/người/tháng. Mỗi năm, HTX bán sâm giống, lá sâm, thu trên 400 triệu đồng.

Với niềm đam mê khám phá tiềm năng, phát triển của cây sâm Lai Châu trên đất Tam Đường, từ năm 2021 đến nay, anh Nguyễn Hồng Giang - Tổng Giám đốc Công ty phát triển công nghệ cao

Hưng Thịnh (Hà Nội) thuê 5ha đất dưới tán rừng, liên kết với bà con bản Xin Chải (xã Giang Ma) bảo tồn loài Sâm quý này. Trong đó, công ty đầu tư ươm 3ha cây sâm giống và 2ha trồng cây sâm bố mẹ thu hoạch hạt giống. Không dừng lại, trong năm 2023, công ty tiếp tục mở rộng vùng trồng 220ha cây sâm Lai Châu tại xã Khun Há, theo hình thức người dân góp đất, tham gia trồng, chăm sóc; công ty bỏ giống, chi phí đầu tư, khoa học kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm.

Thay vì người dân trồng sâm tự phát, hiện nay, UBND huyện Tam Đường tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty, doanh nghiệp tham gia liên

kết đầu tư trồng Sâm Lai Châu cùng người dân. Việc liên kết mở rộng diện tích trồng Sâm trên địa bàn có sự thỏa thuận chặt chẽ giữa doanh nghiệp là đầu mối thu mua, tiêu thụ, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, bảo đảm phòng trừ sâu bệnh, người dân góp đất, công sức trồng, chăm sóc cây Sâm đúng quy trình kỹ thuật. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện định hướng cho bà con lựa chọn doanh nghiệp đến khảo sát, liên kết trồng cây Sâm Lai Châu trên đất Tam Đường ngày càng phát triển với nhiều triển vọng. Hiện toàn huyện Tam Đường có khoảng 17,18 ha Sâm Lai Châu (tăng 6,78 ha so với năm 2023) tập trung tại các xã: Khun Há, Giang Ma, Hồ Thầu. Huyện đã có 02 cơ sở sản xuất giống cây Sâm Lai Châu được cấp mã số cơ sở trồng gồm: IIA-C-LCU-002, IIA-C-LCU-004 và đang tiếp tục được duy trì.

Trong thời gian tới, để phát triển cây dược liệu nói chung và cây Sâm Lai Châu nói riêng, huyện Tam Đường sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành kêu gọi, thu hút doanh nghiệp vào đầu tư; khuyến khích nhân dân trồng và bảo vệ thương hiệu Sâm Lai Châu; để cây Sâm phát cách bền vững, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân.

ỨNG DỤNG CHẾ PHẨM SINH HỌC XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI TẠI HUYỆN PHONG THỔ VÀ HUYỆN NẬM NHÙN

Nam Bình

Được sự nhất trí và tạo điều kiện của lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu, trong năm 2024, Trung tâm Kiểm định và Phát triển Khoa học công nghệ đã triển khai các Hội nghị ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải chăn nuôi và xây dựng các mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải chăn nuôi phục vụ tiêu chí nông thôn mới tại 03 xã, huyện Phong Thổ và 03 xã, huyện Nậm Nhùn.



*Tập huấn ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý môi trường
chăn nuôi cho người dân tại xã Lê Lợi - huyện Nậm Nhùn*

Trong năm 2024, Trung tâm Kiểm định và Phát triển khoa học công nghệ tỉnh đã mở 06 Hội nghị, 24 mô hình sử dụng chế phẩm sinh học tại các xã Mường So, Khổng Lào, Bản Lang của huyện Phong Thổ; xã Nậm Hàng, Lê Lợi và Thị Trấn Nậm Nhùn của huyện Nậm Nhùn.

Các Hội nghị tập huấn kỹ thuật ứng dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi tập trung vào các nội dung: Thực trạng chất thải chăn nuôi trong các hộ gia đình hiện nay và tình trạng ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi gây ra; Thực trạng ô nhiễm tại các làng nghề truyền thống, đặc biệt là làng nghề làm miến dong và đưa ra biện pháp xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Giới thiệu về chế phẩm sinh học trong xử lý rác thải nói chung và chất thải chăn nuôi nói riêng; Quy trình kỹ thuật và phương pháp sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn

nuôi; Thực hành ứng dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi.

Sau khi tập huấn, trung tâm đã hỗ trợ 24 hộ dân xây dựng 24 mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi. Các mô hình đều được viên chức của Trung tâm trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật sử dụng chế phẩm, kiểm tra, giám sát thường xuyên. Việc hỗ trợ 24 hộ dân sử dụng chế phẩm sinh học sẽ được Trung tâm duy trì thường xuyên, liên tục trong thời gian 6 tháng.

Qua các Hội nghị, các mô hình sử dụng chế phẩm sinh học, đã giúp nâng cao nhận thức của người dân về thực trạng ô nhiễm môi trường. Đồng thời giúp cho người dân biết được những lợi ích của việc sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi và tăng cường sử dụng, tái sử dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải chăn nuôi, tạo nguồn phân bón sạch cho cây trồng, giảm chi phí trong sản xuất nông nghiệp; giảm thiểu ô nhiễm và các bệnh từ chất thải gây ra.

Phản hồi lại với Trung tâm Kiểm định và Phát triển Khoa học công nghệ về tác dụng của chế phẩm sinh học trong xử lý ô nhiễm môi trường, Ông Lò Văn Bổng, bản Nậm Dòn, xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn cho biết: “Qua tập huấn và triển khai mô hình tại gia đình và các hộ trên địa bàn xã, lượng mùi hôi từ chăn nuôi lợn và gà đã giảm thiểu rõ rệt. Đặc biệt, xung quanh khu vực chăn nuôi có sử dụng chế phẩm sinh học hầu như không có sự xuất hiện của con ruồi đen. Sử dụng chế phẩm sinh học đem lại hiệu quả rất tốt, đã giúp cho chuồng nuôi không còn mùi hôi thối, không gây ô nhiễm môi trường tới gia đình và các hộ dân xung quanh”.

Ông Đèo Văn Hàn, Trưởng Bản Nà Củng, xã Mường So, huyện Phong Thổ cho biết: “Các cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Kiểm định và Phát triển Khoa học công nghệ tỉnh đã hướng dẫn cho chúng tôi cách sử dụng chế phẩm sinh học hiệu quả. Nhờ đó, các hộ sử dụng chế phẩm sinh học do Trung

tâm hỗ trợ đã không còn mùi hôi thối do nuôi lợn, nuôi trâu gây ra nữa”.

Như vậy, chương trình Ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải chăn nuôi năm 2024 của Trung tâm Kiểm định và Phát triển Khoa học công nghệ tỉnh Lai Châu đã thực sự đem lại hiệu quả cao trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, do lượng chế phẩm sinh học và thời gian tập huấn, thời gian thực hiện của mô hình

còn hạn chế,... do đó, chỉ phát huy tác dụng của chế phẩm sinh học trong một thời gian nhất định. Cần phải tiếp tục nhân rộng chương trình tập huấn tại các huyện trên địa bàn tỉnh với quy mô lớn hơn: Số lượng người tham gia, thời gian tập huấn, địa điểm tập huấn,... nhằm ứng dụng chế phẩm sinh học rộng rãi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo nguồn phân bón hữu cơ sạch cho sản xuất nông nghiệp sạch, bền vững.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ... (Tiếp theo trang 10)

tâm trong bể, góp phần nâng tỷ lệ xuất bán cá tầm thương phẩm đạt 75-80% (Tăng 15% so với trước khi được hỗ trợ); Sản phẩm cá tầm thương phẩm đạt vệ sinh an toàn thực phẩm, không gây ô nhiễm môi trường nguồn nước, tạo sản phẩm hàng hoá có tính cạnh tranh cao. Tiếp tục duy trì, ứng dụng các quy trình kỹ thuật nuôi lợn thương phẩm đã được chuyển giao và làm chủ trong quá trình thực hiện dự án KH&CN cấp tỉnh, thông qua hỗ trợ đã cung cấp cho thị trường khoảng 45 tấn thịt lợn hơi thương phẩm đạt vệ sinh an toàn thực phẩm, giá bán lợn hơi thương phẩm cao hơn so với sản phẩm cùng loại từ 5 đến 10 giá. Sản phẩm thịt lợn thương phẩm đã được chứng nhận sản phẩm OCOP 03 sao.

Sự thay đổi của khí hậu như hiện tượng nóng lên toàn cầu dẫn đến sự dịch chuyển dần những trạng thái khí hậu mới, có thể thuận lợi hoặc không thuận lợi đối với sản xuất nông nghiệp. Một số cây trồng hiện nay, không còn phù hợp điều kiện khí hậu thời điểm nắng nóng khi nhiệt độ tăng cao, dẫn đến sâu bệnh phát triển, thoái hóa đất, lũ ống, lũ quét, sương muối, rét đậm, rét hại, mưa đá... cùng những ảnh hưởng khác đến sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, có những loại cây trồng thích hợp với thời tiết nắng nóng, như vậy việc nghiên cứu các loại giống, cây trồng, vật nuôi phù hợp với thời tiết để biến “nguy thành cơ” là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Do đó, nhằm góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn tới, KH&CN đưa ra những định hướng và giải pháp sau:

Một là: Tiếp tục nghiên cứu phục tráng, lai tạo các giống cây trồng vật nuôi bản địa năng suất chất lượng cao có khả năng thích ứng với Biến đổi khí hậu (nắng nóng kéo dài, hạn hán, sương muối, rét đậm, rét hại, mưa đá, sâu bệnh,...).

Hai là: Nghiên cứu tuyển chọn và thử nghiệm một số cây trồng, vật nuôi mới năng suất, chất lượng có khả năng thích ứng cao với diễn biến phức tạp của thời tiết, thiên tai, chống chịu sâu bệnh và đáp ứng với yêu cầu đa dạng của thị trường. Đặc biệt là thử nghiệm cây lâm nghiệp góp phần hạn chế mất và suy thoái rừng bảo tồn, tăng bề hấp thụ trữ lượng các - bon.

Ba là: Ứng dụng khoa học công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại trong dự tính, dự báo sinh vật gây hại cây trồng vật nuôi; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, cảnh báo đa thiên tai, dự báo dựa trên tác động; triển khai các sản phẩm dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn truyền tải đa dạng trên nền tảng công nghệ số; nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ khí hậu và cung cấp thông tin phục vụ phòng chống thiên tai.

Bốn là: Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu như: Công nghệ tự động, bán tự động trong tưới nước, bón phân; sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào; sử dụng nhà màng, nhà lưới.

Năm là: Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến vào canh tác, chăm sóc, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo các yêu cầu tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc gia như tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...

Trước những diễn biến khó lường của thời tiết, việc thực hiện các giải pháp phát triển phù hợp, tranh thủ tiến bộ khoa học công nghệ mới sẽ góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững đồng thời tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh trong phát triển kinh tế nông nghiệp của địa phương./.

Cây Mắc Ca TRÊN ĐẤT TÂN UYÊN

Huyền - Loan

Cây mắc ca đã và đang trở thành cây trồng chủ lực của người dân huyện Tân Uyên, bởi việc trồng và chăm sóc đơn giản, hạt mắc ca giàu chất dinh dưỡng, đem lại giá trị hiệu quả kinh tế cao. Diện tích mắc ca ngày càng được mở rộng qua từng năm, đến nay toàn huyện có trên 2.696ha mắc ca, những diện tích trồng từ năm 2012 đã cho thu hoạch hàng trăm triệu đồng giúp người dân xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập.



Viên chức của Sở Khoa học và Công nghệ đang hướng dẫn bác Cát cập nhật sản phẩm lên trang truy xuất nguồn gốc: laichau.smartgap.vn

Mắc ca được người dân trên địa bàn thị trấn Tân Uyên trồng thử nghiệm năm 2012. Từ năm 2017, thực hiện Quyết định số 1655/QĐ-UBND, ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án khuyến khích phát triển cây mắc ca tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2021, huyện đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân trong huyện mở rộng diện tích trồng mắc ca, nhất là trồng xen chè; thu hút, mời gọi doanh nghiệp vào đầu tư trồng. Cùng với đó, huyện triển khai kịp thời chính sách hỗ trợ giống, vật tư, phân bón cho các hộ tham gia trồng mắc ca. Đến thời điểm này, toàn huyện có trên 2.696ha mắc ca, trong đó hơn 671ha của 1.108 hộ dân; 2.025ha của doanh nghiệp (Công ty Dương Gia Lai Châu, Công ty Cổ phần tập đoàn Liên Việt...) trồng thuần và xen chè.

Mắc ca là loài cây thân gỗ thường xanh, có tán lớn, tuổi thọ dài và sức chống chịu tốt. Loài cây này có thể trồng ở nhiều khu vực đất khác nhau như: Vườn tạp, đất dốc, xen canh với chè hoặc các loại cây họ đậu. Quả mắc ca có hàm lượng các chất dinh dưỡng rất phong phú. Ngoài hàm lượng chất béo rất cao (hơn 78%), trong nhân hạt mắc ca còn chứa nhiều protit, khoáng chất; vitamin B1, B2, vitamin E... có lợi cho sức khỏe con người. Vì thế, nhân hạt mắc ca được ví là “hoàng hậu của các loại hạt”, được bán ra thị trường với giá rất cao. Điều này mở ra cơ hội làm giàu cho người dân Việt Nam nói chung, Lai Châu nói riêng.

Gia đình ông Nguyễn Xuân Cát ở tổ dân phố 1, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên là một trong những hộ tiên phong tiến hành trồng cây mắc ca xen trên diện tích chè. Năm 2012, từ nguồn hỗ trợ của tỉnh, của huyện, gia đình ông trồng 1ha mắc ca xen chè với nhiều loại giống khác nhau như: Q, OC, A38. Đến nay toàn bộ diện tích này đã cho thu hoạch bình quân đạt hơn 2 tấn quả/năm, với giá bán hiện tại 30.000 -50.000 đồng/kg, trừ chi phí ngoài thu từ chè, mỗi năm cây mắc ca cho gia đình ông thu trên 150 triệu đồng. Qua trồng mắc ca xen chè, ông Cát thấy cây mắc ca phù hợp khí hậu và thổ nhưỡng của vùng đất Tân Uyên và cây mắc ca cũng đã giúp gia đình ông có thu nhập ổn định. Năm 2024, Sở Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ đưa sản phẩm mắc ca của gia đình ông Cát lên trang truy xuất nguồn gốc tại địa chỉ: laichau.smartgap.vn.

Bên cạnh gia đình ông Cát, nhiều hộ dân cũng thực hiện trồng mắc ca xen chè như gia đình bà Nguyễn Thị Chinh ở tổ dân phố 5, thị trấn Tân Uyên với trên 500 cây mắc ca trồng xen chè từ năm 2017. Nhờ chăm sóc tốt đến nay cây mắc ca phát triển tốt và đã bói quả. Bà Chinh cho biết: “Gia đình tôi có 5 ha chè, được chính quyền địa phương tuyên truyền vận động gia đình tôi đã trồng 500 cây mắc ca, đến nay diện tích mắc ca đang sinh trưởng và phát triển tốt, hứa hẹn những năm tới diện tích mắc ca của gia đình sẽ cho thu nhập cao”.

(Xem tiếp trang 28)

Để cây mắc ca cho hiệu quả kinh tế cao, hàng năm, các phòng chuyên môn của huyện giao cán bộ chuyên môn phối hợp với các xã, thị trấn xuống các hộ dân hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, bón phân theo từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển; nhất là giai đoạn cây ra hoa và tỉa cành sau khi thu hoạch. Chú trọng phòng, trừ sâu bệnh hại trên cây. Thời

gian tới, huyện Tân Uyên tiếp tục khuyến khích nhân dân, tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng diện tích trồng; tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật, giúp các hộ nâng cao kiến thức chăm sóc mắc ca. Phấn đấu 320ha cây mắc ca trồng giai đoạn 2017-2019 cho thu hoạch vào năm 2025 với năng suất và sản lượng đạt cao.

NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP...

(Tiếp theo trang 20)

Tại Lai Châu tuyển chọn được 38 cây trọt đạt trung bình 6,6kg quả tươi/bụi; tại Yên Bái tuyển chọn được 12 cây trọt đạt trung bình 6,7kg quả tươi/bụi; tại Lào Cai tuyển chọn được 40 cây trọt đạt trung bình đạt 7,7kg quả tươi/bụi; độ vượt so với trung bình trong sản xuất từ 278,0 - 376,8%, hàm lượng tinh dầu trung bình trong quả khô đạt từ 2,59 - 3,51%;

Nhân giống hữu tính: Độ tàn che phù hợp cho cây con Thảo quả tại vườn ươm có tỉ lệ sống và sinh trưởng tốt là 75%; phương pháp xử lý hạt giống Thảo quả trước khi gieo ươm tốt nhất là quả được ủ cả vỏ trong bao tải, chôn dưới đất ẩm sâu 40-50cm đến khi hạt nứt nanh thì cấy vào bầu.

Nhân giống vô tính: Trồng rừng bằng loại hom cây chồi cao 60-80cm vào thời vụ tháng 6-7 hàng năm sẽ cho tỉ lệ sống và sinh trưởng của cây Thảo quả cao nhất.

Khảo nghiệm hậu thế kết hợp làm vườn giống hữu tính cây Thảo quả:

Dưới tán rừng tự nhiên: Tỉ lệ sống toàn khảo nghiệm đạt 89,6%; xác định được 3 xuất xứ vượt trội gồm: Phong Thổ - Lai Châu, Tân Uyên - Lai Châu, Văn Bàn - Lào Cai. Bước đầu xác định được 03 gia đình có triển vọng, vượt trội so với trung bình sản xuất gồm: L34, L103, LC73;

Dưới tán rừng trồng: Tỉ lệ sống toàn khảo nghiệm đạt 86,7%; xác định được 3 xuất xứ vượt trội gồm: Tân Uyên - Lai Châu, Mù Cang Chải - Yên Bái và Văn Bàn - Lào Cai. Bước đầu xác định được 04 gia đình có triển vọng, vượt trội so với trung bình sản xuất gồm: L93, L103, YB21, LC73;

4. Về biện pháp kỹ thuật trồng thâm canh và cải tạo vườn Thảo quả đã suy giảm năng suất

Tỉ lệ sống của mô hình trồng thâm canh Thảo quả dưới tán rừng tự nhiên đạt 90,3%, của mô hình trồng thâm canh dưới tán rừng trồng đạt 88,5%;

Trồng Thảo quả dưới tán rừng tự nhiên hoặc rừng trồng có độ tàn che từ 0,4-0,5 sẽ cho cây Thảo quả có tỉ lệ sống, sinh trưởng và năng suất quả tốt nhất.

Chăm sóc rừng Thảo quả năm thứ 2 và thứ 3 dưới tán rừng tự nhiên hoặc rừng trồng với chế độ bón thúc năm thứ hai 0,5 kg phân vi sinh/cây và năm thứ ba 0,2kg NPK (NPK (8.16.8)/cây hoặc năm thứ hai 0,1 kg NPK (16.8.16)/cây và năm thứ ba 0,2 kg NPK (8.16.8)/cây sẽ cho cây Thảo quả có tỉ lệ sống, sinh trưởng và năng suất quả tốt nhất.

Cải tạo rừng Thảo quả suy giảm năng suất bằng cách bón 0,5kg phân vi sinh/bụi kết hợp phát, vệ sinh xung quanh gốc 3 lần/năm vào tháng 2-3; 6-7; 11-12, lần 3 kết hợp tỉa cây, thân khí sinh già, sâu bệnh, xói vun gốc sẽ giúp rừng phục hồi, phát triển và có năng suất quả cao nhất. Trồng bổ sung cây Tổng quạ sủ với mật độ 400 cây/ha (cự ly 5x5m).

5. Về công nghệ thu hoạch, sơ chế và bảo quản sản phẩm quả Thảo quả

Thời điểm thu hoạch Thảo quả tốt nhất vào tháng 11;

Phương pháp sấy đối lưu khí nóng cải tiến cho hiệu quả, năng suất, chất lượng Thảo quả tốt nhất, tiết kiệm chi phí và dễ dàng vận hành sử dụng phù hợp với điều kiện thu hoạch; Thảo quả nếu để lâu dài từ trên 9 tháng tốt nhất được bảo quản trong túi hút chân không.

6. Xây dựng được 04 quy trình kỹ thuật và 01 Bộ tài liệu tập huấn. Tập huấn và chuyển giao kỹ thuật và công nghệ chọn giống, nhân giống, trồng thâm canh và cải tạo vườn Thảo quả thành công thông qua 02 lớp tập huấn.

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO AI TRONG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Nguyễn Thị Tiến, Hoàng Châu, Gia Linh
Trường THCS Đoàn Kết

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong giáo dục, mang lại nhiều phương thức học tập hiệu quả. Tại Việt Nam, dù công nghệ đang phát triển mạnh ở các thành phố lớn, nhưng việc áp dụng AI trong học tập ở cấp THCS, tại một số trường trên địa bàn thành phố Lai Châu, vẫn còn hạn chế do cơ sở hạ tầng và nhận thức.

Bài viết tóm tắt kết quả nghiên cứu khảo sát và đánh giá ảnh hưởng của AI đối với học sinh THCS tại Lai Châu, qua đó phân tích lợi ích, thách thức và đưa ra khuyến nghị nhằm tối ưu hóa việc ứng dụng AI trong giáo dục tại địa phương.

Ảnh hưởng của việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập của học sinh THCS tại thành phố Lai Châu

Ảnh hưởng tích cực: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) mang lại nhiều ảnh hưởng tích cực trong học tập. AI giúp cá nhân hóa quá trình học, cho phép học sinh tiếp cận kiến thức phù hợp với năng lực và sở thích riêng. Các ứng dụng học trực tuyến và trợ lý ảo còn tăng tính chủ động, giúp học sinh dễ dàng ôn tập và học bài mọi lúc, mọi nơi. Đồng thời, AI hỗ trợ phát hiện lỗi sai, phân tích kết quả học tập, từ đó giúp học sinh điều chỉnh và cải thiện hiệu quả học tập. Những công cụ thực tế ảo (VR) mang lại trải nghiệm học tập sinh động, đặc biệt trong các môn khoa học và lịch sử. Ngoài ra, AI mở ra cơ hội học tập bình đẳng hơn tại các vùng khó khăn, đồng thời cải thiện kỹ năng công nghệ cho học sinh.

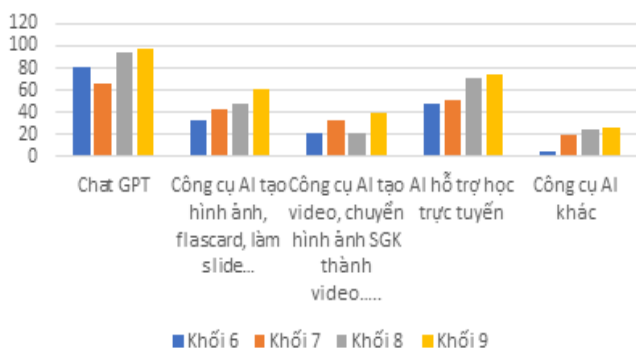
Ảnh hưởng tiêu cực: Bên cạnh những lợi ích, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập cũng tiềm ẩn nhiều ảnh hưởng tiêu cực. Sự phụ thuộc quá mức vào AI có thể làm giảm khả năng tư duy độc lập của học sinh, khi các em dựa dẫm vào công nghệ để tìm lời giải thay vì tự suy nghĩ. Đồng thời, AI có thể hạn chế tương tác giữa học sinh với nhau và gia tăng khoảng cách cơ hội học tập do điều kiện công nghệ không đồng đều, đặc biệt ở các khu vực khó khăn. Ngoài ra, việc sử dụng AI còn tiềm ẩn nguy cơ mất quyền riêng tư và an toàn dữ liệu nếu thông tin cá nhân của học sinh không được bảo mật tốt. Hơn nữa, thời gian tiếp xúc với thiết bị công nghệ quá nhiều có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, gây căng thẳng, mỏi mắt và giảm hoạt động vận động thể chất của học sinh.

Thực trạng ứng dụng AI trong học tập của HS THCS trên địa bàn thành phố Lai Châu

Nghiên cứu tiến hành khảo sát các khách thể là học sinh các khối 6,7,8,9 các trường THCS trên địa bàn thành phố Lai Châu. Chọn mẫu với 366 học sinh, nhóm nghiên cứu chia ra làm 4 khối (6,7,8,9). Kết quả thể hiện qua bảng sau:

Nội dung	Tổng số HS	Chia theo cơ cấu giới tính, dân tộc			Chia theo khối lớp			
		Nam	Nữ	DTTS	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
Đã ứng dụng AI	305 83,3%	166 54,4%	139 45,6%	52 59,7%	56 58,9%	97 89,8%	85 93,4%	67 93%
Chưa ứng dụng	61 16,7%	34 55,7%	27 44,3%	35 40,3%	39 41,1%	11 10,2%	6 6,6%	5 7%
	366	180	186	87	95	108	91	72

Biểu đồ: Nội dung ứng dụng AI trong học tập của HS THCS trên địa bàn TPLC



Biểu đồ cho thấy học sinh ứng dụng AI trong học tập nhiều nhất là chatGPT với cả 4 khối lớp, tỷ lệ này cũng cao hơn ở khối 8 (94,7%), khối 9 (97%). AI hỗ trợ học trực tuyến là nội dung được lựa chọn nhiều hơn so với các nội dung khác còn lại (48,2% - 73,8%).

HS nữ có tỷ lệ cao hơn trong nhóm sử dụng AI dưới 1 năm (34,9% so với 38,8% của nam). Tỷ lệ học sinh DTTS sử dụng AI dưới 1 năm cao nhất (56,3%) so với các nhóm thời gian khác. Rất ít học sinh DTTS đã sử dụng AI từ 1-2 năm (29,8%) và gần như không có học sinh DTTS sử dụng AI trên 2 năm (13,9%). Học sinh khối 7 và khối 8 có tỷ lệ sử dụng AI từ 1-2 năm cao nhất (lần lượt là 88,5% và 82%). Học sinh khối 6 chủ yếu mới tiếp cận AI trong vòng 1 năm (92,8%), khối 9 có tỷ lệ sử dụng AI trên 2 năm cao nhất (13,4%), cho thấy học sinh lớp lớn có thời gian tiếp cận công nghệ dài hơn.

Giải pháp ứng dụng AI trong học tập của HS THCS tại thành phố Lai Châu

Giải pháp 1: Bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng AI trong học tập cho học sinh THCS

Mục tiêu: Trang bị kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành để học sinh sử dụng AI hiệu quả, nâng cao nhận thức về vai trò và lợi ích của AI trong học tập.

Tính mới: Kết hợp lý thuyết và thực hành, học sinh trải nghiệm trực tiếp các ứng dụng AI như trợ lý học tập ảo, nền tảng học trực tuyến, giúp cá nhân hóa quá trình học tập.

Cách thực hiện: Để giúp học sinh hiểu và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hiệu quả trong học tập, các trường có thể tổ chức buổi học giới thiệu về AI, giải thích khái niệm cơ bản và minh họa các ứng dụng thực tế như ChatGPT, Google Assistant, hay Khan Academy. Trong các buổi học này, học sinh sẽ được hướng dẫn cách sử dụng các công cụ AI hỗ trợ như phần mềm giải bài tập, học ngoại ngữ, hay kiểm tra trực tuyến, đồng thời học cách tìm kiếm thông tin và phân tích dữ liệu học tập. Ngoài ra, các tình huống thực tế cũng cần được xây dựng, thông qua việc giao bài tập hoặc dự án yêu cầu học sinh sử dụng AI để tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề, và trình bày cách công nghệ này hỗ trợ quá trình học tập. Để tăng tính hứng thú, có thể tổ chức các buổi thảo luận, trò chơi, hoặc xem video minh họa, giúp học sinh nhận thức rõ hơn giá trị thực tiễn và tiềm năng của AI trong đời sống.

Giải pháp 2: Tạo môi trường học tập ứng dụng AI cho HS THCS

Mục tiêu: Xây dựng môi trường học tích cực, hiện đại, tích hợp AI để nâng cao hiệu quả học tập và phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học, giải quyết vấn đề.

Tính mới: Tích hợp AI vào các môn học và hoạt động giáo dục, cá nhân hóa việc học với công cụ tiên tiến như trợ lý học tập ảo, thí nghiệm mô phỏng, và nền tảng học thông minh.

Cách thực hiện: Để thực hiện hiệu quả việc ứng dụng AI trong học tập, cần đầu tư cơ sở hạ tầng bao gồm thiết bị thông minh, kết nối internet và các phần mềm hỗ trợ như: Duolingo (ngoại ngữ),

Photomath (toán), Phet Simulations (khoa học). Việc tích hợp AI vào các môn học cũng rất quan trọng, sử dụng AI để giải toán và phân tích bước giải trong môn Toán, học từ vựng và luyện phát âm trong Ngoại ngữ, thực hành thí nghiệm ảo trong Khoa học, hoặc khám phá bản đồ tương tác và tái hiện sự kiện lịch sử trong Lịch sử và Địa lý. Ngoài ra, có thể tổ chức các hoạt động tích hợp AI như thành lập câu lạc bộ AI, giao bài tập nhóm, lập trình chatbot, tạo video học tập, và thảo luận về công nghệ. Bên cạnh đó, việc tổ chức các cuộc thi như hội thi “Khám phá AI” sẽ tạo cơ hội cho học sinh trình bày ý tưởng và sản phẩm sáng tạo, khuyến khích tư duy đổi mới và ứng dụng thực tiễn.

Giải pháp 3: Phối hợp với gia đình chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất cho học sinh ứng dụng AI

Mục tiêu: Đảm bảo học sinh có thiết bị và cơ sở vật chất phù hợp để học tập với AI, tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình, nâng cao nhận thức phụ huynh về vai trò của AI.

Tính mới: Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường, hướng dẫn phụ huynh sử dụng và quản lý thiết bị học tập, đồng thời hỗ trợ kết nối nguồn lực công nghệ.

Cách thực hiện: Để triển khai hiệu quả việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập, cần thực hiện khảo sát tình trạng thiết bị công nghệ tại gia đình và phân loại học sinh theo nhu cầu hỗ trợ. Nhà trường có thể tổ chức các buổi hội thảo với phụ huynh để giới thiệu vai trò của AI trong giáo dục, đồng thời hướng dẫn cách sử dụng và quản lý các thiết bị như máy tính bảng, laptop, hay điện thoại thông minh. Ngoài ra, cần hỗ trợ phụ huynh tạo góc học tập phù hợp cho con em mình, khuyến khích họ đồng hành cùng học sinh trong quá trình học tập, đảm bảo cân bằng giữa học tập và giải trí.

Trí tuệ nhân tạo (AI) mở ra nhiều cơ hội đổi mới trong giáo dục, đặc biệt ở bậc THCS, giúp cá nhân hóa học tập, nâng cao tính chủ động và sáng tạo của học sinh. Tuy nhiên, AI cũng mang đến thách thức như phụ thuộc công nghệ và bất bình đẳng trong tiếp cận. Để phát huy lợi ích và giảm thiểu hạn chế, cần trang bị kỹ năng ứng dụng AI, xây dựng môi trường học tập hiện đại, và phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Những giải pháp này không chỉ giúp học sinh tiếp cận kiến thức hiệu quả mà còn chuẩn bị hành trang công nghệ cho tương lai. Nghiên cứu hy vọng góp phần thúc đẩy ứng dụng AI vào giáo dục, đặc biệt tại các khu vực khó khăn như thành phố Lai Châu.

KIỂM TRA NHÀ NƯỚC...

(Tiếp theo trang 18)

QCVN 1:2022/BKHCN.... Việc thực hiện kiểm định các cột đo hoặc vòi bơm xăng, dầu và việc kiểm tra định kỳ các cột đo nhiên liệu được thực hiện thường xuyên, đúng quy định...

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn một số ít hạn chế như: Còn đọc và ghi sai kết quả tự kiểm tra các cột đo xăng, dầu tại cửa hàng; trang bị chưa đầy đủ các bình chuẩn; lưu giữ hồ sơ chưa khoa học. Thông qua kết quả kiểm tra, Đoàn đã tuyên truyền, hướng dẫn các đơn vị được kiểm tra phải thường xuyên tự kiểm tra, theo dõi, giám sát đối với phương tiện đo đang sử dụng để kịp thời phát hiện và thay thế những phương tiện đo không đạt yêu cầu quy định về kỹ thuật đo lường. Rà soát và kiểm định lại đối với những phương tiện đo đã hết hạn kiểm định; lưu giữ hồ sơ về chứng chỉ kiểm định, hồ sơ phê duyệt mẫu đầy đủ và khoa học... Đồng thời, nhắc nhở một số đơn vị/cửa hàng kinh doanh xăng dầu khắc phục hạn chế do Đoàn kiểm tra chỉ ra, đảm bảo việc chấp hành quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, góp phần bảo vệ quyền lợi và tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

HIỆU QUẢ...

(Tiếp theo trang 22)

Anh Nguyễn Xuân Trịnh - Trưởng bản Tân Bình, xã Bình Lữ, huyện Tam Đường, chia sẻ: Anh Vượng là người đầu tiên trong bản *áp dụng hệ thống tưới nước* thông minh này, việc áp dụng đã cho thấy hiệu quả kinh tế rõ rệt. Chất lượng, sản lượng rau ngày càng được nâng lên. Có thể thấy, việc lựa chọn công nghệ tưới cây tự động đang là biện pháp hữu hiệu tiết kiệm nước hiệu quả cho người dân. Đây cũng chính là giải pháp tích cực giúp ngành nông nghiệp địa phương thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu như hiện nay.

Gia đình anh Sông đang chăm sóc vườn bắp cải



MÔ HÌNH TRỒNG BẮP CẢI THEO HƯỚNG HỮU CƠ CỦA ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN

Hồng Hạnh

Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên. Đó chính là câu nói để nói về đoàn viên thanh niên Sùng A Sông ở xã Khoen On, huyện Than Uyên. Nhằm tạo sản phẩm hàng hóa sạch, đảm bảo chất lượng, sau khi đi tham quan học hỏi, khảo sát về địa hình, khí hậu, chất đất tại địa phương, nhận thấy, vùng đất này phù hợp với việc trồng các loại rau màu đặc biệt là cây rau bắp cải. Anh Sông cùng các đoàn viên thanh niên trong xã đã tham gia thực hiện mô hình trồng rau bắp cải trên diện tích 1ha theo hướng hữu cơ.

Trao đổi với chúng tôi, anh Sông phấn khởi cho biết, việc trồng bắp cải theo hướng hữu cơ không chỉ đem lại thu nhập ổn định cho người dân mà còn đảm bảo cho người tiêu dùng an tâm sử dụng sản phẩm. Hơn nữa mô hình có sự tham gia của các đoàn viên thanh niên nên việc trồng, chăm sóc được đảm bảo quy chuẩn, có sự liên kết bao tiêu sản phẩm rau như vậy sẽ giúp các hộ trồng an tâm hơn trong việc sản xuất. Hiện tại diện tích rau bắp cải của mô hình đang xanh tốt, bắt đầu cho thu hoạch.

Anh Lò A Giàng - Bí thư đoàn thanh niên xã Khoen On cho biết: Sau 3 tháng trồng và chăm sóc hiện tại, toàn bộ diện tích 1ha mô hình trồng rau bắp cải của đoàn thanh niên đã cho thu hoạch đảm bảo các yếu tố về chất lượng, trọng lượng rau từ 1,2- 1,7kg/bắp. Với giá bán bao tiêu ổn định tại mô hình liên kết cây rau bắp cải là 12.000 - 15.000đ/kg.

Trong thời gian qua, cùng với sự hỗ trợ về vốn, đoàn viên, thanh niên được định hướng cách thức làm ăn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật tái cơ cấu ngành nông nghiệp, giúp thanh niên sử dụng vốn vay hiệu quả, nâng cao năng suất, đời sống thanh niên từng bước cải thiện mang lại thu nhập cao. Thực tế, các mô hình nông nghiệp phát triển kinh tế như mô hình của anh Sông và các đoàn viên thanh niên trong xã đã và đang khích lệ, cổ vũ các thanh niên tại địa phương phát triển kinh tế với nhiều mô hình hay, cách làm hiệu quả, qua đó đã tác động tích cực, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, dám nghĩ, dám làm, ý chí vươn lên làm giàu chính đáng của thanh niên tại địa phương.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỔNG HỢP HIỆU QUẢ - NÂNG CAO THU NHẬP CHO HỘI VIÊN HỢP TÁC XÃ

Dương Đường

Hợp tác xã Xuân oanh được thành lập từ tháng 4 năm 2014 với 10 thành viên. Là một hợp tác xã nông nghiệp gắn bó với việc trồng và chăm sóc bảo vệ rừng, góp phần tạo việc làm cho nhiều hội viên, nông dân trên địa bàn thị trấn Phong Thổ - huyện Phong Thổ.

Những ngày mới thành lập, HTX gặp rất nhiều khó khăn trong công tác bảo vệ chăm sóc

cạnh đó, HTX còn phát triển thêm với mô hình nuôi ngựa bạch và sản xuất cao ngựa bạch, 20 con Cày đặc sản, hàng chục con trâu sinh sản. HTX cũng trồng các loại cây ăn quả như: Bưởi da xanh, ổi, thanh long ruột đỏ, bơ, na phật thủ... nhờ đó HTX đã thu nhập hàng trăm triệu đồng mỗi năm, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho 10 thành viên của HTX.



Anh Oanh - Giám đốc HTX Xuân Oanh đang chăm sóc vườn Thanh Long

rừng bởi diện tích rừng của HTX nằm xen kẽ với nương ngô, lúa của người dân, cùng với đó là tình trạng các hộ dân thả rông gia súc. Để công tác chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ đạt được hiệu quả, HTX đã mua diện tích đất nương của các hộ dân nhằm tạo khối rừng phòng hộ liên hoàn, thuận lợi cho công tác bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng. Song song với đó, công tác trồng rừng cũng được thực hiện nghiêm túc với việc lựa chọn trồng các loại cây phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng tại địa phương như lát, mỡ, xoan, sấu...

Ông Nguyễn Xuân Oanh - Giám đốc HTX Xuân Oanh cho biết: Việc trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng là mục tiêu lớn nhất trong phát triển kinh tế của HTX. Tuy nhiên để rừng cho lợi nhuận cần thời gian rất dài nên HTX đã kết hợp phát triển chăn nuôi để lấy ngắn nuôi dài và cũng để tăng nguồn thu, tạo việc làm ổn định cho xã viên. Bên

Từ khi thành lập đến nay, hợp tác xã đã nhận được sự quan tâm của các cấp hội nông dân và được hỗ trợ vay vốn để phát triển sản xuất. Việc sử dụng vốn đã đem lại hiệu quả kinh tế cho bà con. Ông Oanh cho biết thêm: Được sự hỗ trợ, giúp đỡ về vốn, khoa học kỹ thuật của các cấp hội Nông dân, HTX đã có thêm vốn, kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc cây, con để phát triển kinh tế của HTX. Để đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng trong thời gian tới ông cũng mong muốn chính quyền các cấp hỗ trợ HTX để tạo thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm của HTX cũng như các sản phẩm của địa phương.

Đánh giá về mô hình phát triển kinh tế của HTX Xuân Oanh, ông Hà Mạnh Thắng - Chủ tịch Hội nông dân huyện Phong Thổ cho biết: “HTX Xuân Oanh là một trong những địa chỉ tin cậy trong việc chăm sóc bảo vệ rừng và phát triển kinh tế. Hội nông dân huyện dưới sự ủy thác của Quỹ tín dụng Hội nông dân đã hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ con giống, khoa học kỹ thuật để giúp HTX phát triển ngày càng lớn mạnh đem lại cuộc sống ổn định cho xã viên, người lao động và góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Bên cạnh đó HTX còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội”.

HTX Xuân Oanh là một trong những HTX phát triển mô hình kinh tế Nông- Lâm nghiệp tổng hợp, đã đem lại thu nhập ổn định cho bà con xã viên đồng thời cũng là một địa chỉ tin cậy để bà con nông dân đến học tập, làm theo những cách làm hay để đem lại thu nhập ổn định cho chính bản thân và quê hương.

ĐỒNG HÀNH CÙNG HỘI VIÊN NÔNG DÂN LÀM KINH TẾ

Dương Đường

Thời gian qua song song với việc đổi mới phương thức sản xuất, hội nông dân xã Bản Giang đã có nhiều hoạt động thiết thực giúp đỡ hỗ trợ hội viên nông dân tận dụng phát huy hiệu quả thế mạnh của địa phương. Điển hình là việc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn vay từ các chương trình dự án giúp hội viên nông dân vươn lên thoát nghèo trên mảnh đất quê hương.

Hội nông dân xã Bản Giang hiện có trên 500 hội viên, những năm qua từ các nguồn vốn hỗ trợ nhiều dự án đã được triển khai trên địa bàn như: Dự án trồng và chăm sóc chè tại bản Thảm, dự án nuôi trâu thương phẩm tại bản Đông Pao 2, dự án trồng và chăm sóc chanh leo,... Đa số các dự án đều phát huy hiệu quả mang lại nguồn thu nhập ổn định cho các hộ dân tham gia. Ngoài ra Hội nông dân xã còn phối hợp với ngân hàng chính sách xã hội huyện và 3 tổ liên kết của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tam Đường tạo điều kiện cho 86 hội viên nông dân vay vốn, từ nguồn vốn vay cùng với sự nỗ lực nhiều hội viên nông dân đã vươn lên thoát nghèo.

Ông Vàng Văn Lính - Chủ tịch HND xã Bản Giang cho biết: Qua quá trình triển khai vay vốn, hội nông dân xã đã tích cực kiểm tra giám sát đối với các hộ vay theo các chương trình. Các hộ vay trên địa bàn xã đã thực hiện vốn vay đúng mục đích và đem lại hiệu quả. Từ nguồn vốn vay giúp cho hội viên nông dân từng bước được xóa đói giảm nghèo góp phần phát triển kinh tế, xã hội.

Là một trong những hội viên đi đầu, dám nghĩ, dám làm trong phát triển kinh tế, hội viên nông dân Nông Văn Đức ở bản Nà Bỏ - xã Bản Giang - huyện Tam Đường đã phát triển hiệu quả mô hình kinh tế của hộ gia đình bằng việc kết hợp hài hòa giữa trồng trọt với chăn nuôi.



Vườn cam sai trĩu quả ở nhà ông Đức

Năm 2023, khi được các cấp Hội nông dân tạo điều kiện, ông đã vay vốn quỹ hỗ trợ nông dân với số tiền 50 triệu đồng, kết hợp với số tiền được Ngân hàng Chính sách xã hội huyện cho vay thêm là 62 triệu đồng, ông Đức đã mạnh dạn đầu tư mở rộng chuồng trại chăn nuôi lợn, từ nuôi vài con ông đã tăng đàn nuôi trên 50 con, đào ao rộng 2000 m² thả các loại cá được thị trường ưa chuộng như: Cá trắm, cá chép, trôi và chăn nuôi thêm hàng trăm con gà, vịt. Ngoài ra với diện tích 1,5 héc ta chè Shan tuyết sẵn có của gia đình ông Đức đã đầu tư phân bón để chè phát triển tốt, tận dụng diện tích đất còn lại trồng thêm 120 gốc ổi Đài Loan, 150 gốc cam cho năng suất cao. Với sự chăm chỉ, chịu khó, không ngại vất vả, ông đã tìm tòi học hỏi kỹ thuật chăm sóc vật nuôi, cây ăn quả trên ti vi, sách báo và tích cực tham gia các lớp tập huấn, cũng như đi tham quan các mô hình kinh tế điển hình do Hội nông dân tổ chức, để học hỏi thêm kinh nghiệm. Nhờ đó cây trồng, vật nuôi của gia đình ông phát triển rất tốt, ít sâu bệnh hại và năng suất đạt cao, mỗi năm gia đình ông thu về gần 300 triệu đồng.

Đặc biệt các hộ là đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng mạnh dạn tiếp cận các nguồn vốn vay, tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật

(Xem tiếp trang 38)

TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHẤT CHUẨN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM NGHIỆM HÓA SINH

Quốc Huy

Chất chuẩn là một yếu tố thiết yếu trong hoạt động kiểm nghiệm hóa sinh, góp phần đảm bảo độ chính xác, độ tin cậy và tính hợp lệ của các kết quả phân tích. Bài viết này phân tích vai trò của chất chuẩn trong việc nâng cao chất lượng kiểm nghiệm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tuân thủ các quy định quốc tế.

Kiểm nghiệm hóa sinh đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và an toàn sức khỏe. Một trong những yếu tố then chốt quyết định đến độ chính xác của các kết quả kiểm nghiệm là chất chuẩn. Chất chuẩn được định nghĩa là những chất có thành phần và nồng độ đã được xác định chính xác, được sử dụng làm tiêu chuẩn để kiểm tra và xác nhận các phương pháp phân tích.

Chất chuẩn giúp xác định và kiểm soát độ chính xác của các phương pháp phân tích. Việc sử dụng chất chuẩn trong quá trình kiểm nghiệm cho phép so sánh kết quả với một tiêu chuẩn đã được xác định, từ đó đánh giá độ chính xác của thiết bị và quy trình. Nghiên cứu của Smith et al. (2020) đã chỉ ra rằng việc sử dụng chất chuẩn giúp giảm thiểu sai sót trong kết quả kiểm nghiệm xuống còn 5%.

Chất chuẩn còn đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá độ nhạy và độ đặc hiệu của các phương pháp phân tích. Bằng cách sử dụng chất chuẩn có nồng độ đã biết, các nhà khoa học có thể xác định khả năng phát hiện và định lượng các chất cần phân tích. Theo nghiên cứu của Johnson và cộng sự (2021), việc áp dụng chất chuẩn giúp cải thiện độ nhạy của phương pháp phân tích lên tới 15%.

Tính đồng nhất và nhất quán là điều kiện cần thiết để đảm bảo độ tin cậy của kết quả kiểm nghiệm. Việc sử dụng chất chuẩn giúp các phòng thí nghiệm thực hiện các phân tích một cách đồng bộ, giảm thiểu biến đổi do yếu tố bên ngoài. Một nghiên cứu của Wang et al. (2022) cho thấy rằng việc sử dụng chất chuẩn đã giúp giảm thiểu sự khác biệt giữa các phòng thí nghiệm đến 30%.

Sự cần thiết của chất chuẩn trong việc tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn quốc tế cũng rất rõ ràng. Nhiều tổ chức quản lý yêu cầu các phòng thí nghiệm phải sử dụng chất chuẩn đã



Chất chuẩn được sử dụng trong hoạt động kiểm nghiệm hóa sinh

được công nhận để đảm bảo tính hợp lệ của các phương pháp phân tích. Điều này không chỉ nâng cao uy tín của phòng thí nghiệm mà còn bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Chất chuẩn giúp giảm thiểu rủi ro sai sót trong kết quả phân tích. Việc kiểm soát chất lượng thông qua chất chuẩn cho phép các nhà phân tích tự tin hơn vào kết quả, từ đó đưa ra quyết định chính xác hơn trong nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn. Theo nghiên cứu của Lee và cộng sự (2023), việc áp dụng chất chuẩn đã làm tăng độ tin cậy của các kết quả kiểm nghiệm lên 20%.

Chất chuẩn là yếu tố không thể thiếu trong hoạt động kiểm nghiệm hóa sinh. Nó không chỉ đảm bảo độ chính xác, đồng nhất và hợp lệ cho các kết quả phân tích mà còn góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành khoa học. Do đó, việc quản lý và sử dụng chất chuẩn một cách hiệu quả là yêu cầu cần thiết đối với tất cả các phòng thí nghiệm kiểm nghiệm. Đầu tư vào chất lượng và quy trình kiểm nghiệm sẽ mang lại lợi ích lâu dài cho ngành khoa học cũng như cho xã hội.

Tăng cường bồi dưỡng công nghệ thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý và dạy học

Hồng Hạnh

Nhằm tăng cường thúc đẩy đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tích cực ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và thực hiện nhiệm vụ, phát huy đổi mới sáng tạo của giáo viên, tạo hứng thú học tập, đam mê nghiên cứu cho từng đối tượng học sinh; tạo cơ

chiếu dựa trên ứng dụng AI; sử dụng công cụ AI tạo hình ảnh minh họa trong bài giảng trình chiếu; tạo kịch bản và hình ảnh trong phim hoạt hình; tạo vi deo ngắn từ hình ảnh; sử dụng phần mềm haiaj kỳ cho video; làm sản phẩm phim hoạt hình thi theo chủ đề....



Quang cảnh lớp bồi dưỡng

hội cho CBQL, giáo viên được tham gia học tập, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo vào quản lý và giảng dạy.

Thực hiện Kế hoạch số 1798/KH-PGDĐT ngày 27/11/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, ngày 07/12/2024, Phòng GD&ĐT thành phố Lai Châu phối hợp với Công ty TNHH Xã hội chấp cánh Foundation và Khoa Khoa học và Công nghệ Giáo dục, ĐH Bách Khoa Hà Nội, tổ chức lớp bồi dưỡng Công nghệ thông tin - ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học và quản trị trường học cho 170 cán bộ quản lý, giáo viên của trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn thành phố Lai Châu.

Tại lớp bồi dưỡng, các đại biểu cùng các học viên đã được nghe giới thiệu về AI và những khó khăn trong việc thiết kế bài giảng trình chiếu; được thực hành: Sử dụng công cụ AI tạo bố cục bài giảng trình chiếu; xây dựng bài giảng trình

Phát biểu khai mạc lớp bồi dưỡng, đồng chí Tạ Đặng Phương - Trưởng Phòng GD&ĐT thành phố Lai Châu nhấn mạnh: Lớp bồi dưỡng nhằm tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Giáo dục Đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 và Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn

2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 6/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Lớp bồi dưỡng hứa hẹn sẽ giúp CBQL, GV thành phố Lai Châu ứng dụng công nghệ thông tin - trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học và quản trị trường học nhằm mở ra những phương pháp giảng dạy hiện đại, sáng tạo, tạo ra môi trường học tập tương tác, phong phú, giúp học sinh phát triển toàn diện cả về nhận thức, tư duy lẫn kỹ năng xã hội. Đồng thời, tăng cường thúc đẩy đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và thực hiện nhiệm vụ, phát huy đổi mới sáng tạo của giáo viên, tạo hứng thú học tập, đam mê nghiên cứu cho từng đối tượng học sinh, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương; tạo cơ hội cho cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia học tập, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

Vai trò của việc điều chỉnh các tiêu chuẩn đo lường carbon đối với tương lai của thương mại toàn cầu



Phát biểu tại Đại hội đồng Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel) vào ngày 14 tháng 10 vừa qua, Phó Tổng giám đốc WTO, ông Jean-Marie Paugam đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc điều chỉnh các tiêu chuẩn đo lường carbon để hỗ trợ thương mại toàn cầu và giải quyết hiệu quả vấn đề biến đổi khí hậu. Bằng việc chỉ rõ ba thách thức hiện nay đối với toàn cầu hóa gồm: Căng thẳng địa chính trị, tự chủ chiến lược của ngành công nghiệp, các chính sách khí hậu và phát triển bền vững, ông Paugam khẳng định các nước Thành viên của WTO đã bắt đầu nhận ra những thách thức này và một vài trong số đó đang kêu gọi

thảo luận lại về các chính sách thương mại liên quan đến khí hậu. Một số nước đưa ra khái niệm “khả năng tương tác”, tức là làm thế nào để các chính sách khác nhau có thể tương tác với nhau để giảm thiểu tác động tiêu cực của chúng đối với dòng chảy thương mại và thúc đẩy đầu tư vào quá trình khử cacbon của các chuỗi giá trị. Từ đó, thách thức về đo lường phát thải carbon nổi lên như một nhiệm vụ trọng tâm.

Theo ông Paugam, WTO có vị thế đặc biệt trong hỗ trợ giải quyết những thách thức về phối hợp và hợp tác này vì mặc dù tổ chức này không phải là cơ quan thiết lập tiêu chuẩn nhưng là diễn đàn nơi các quốc gia có thể cùng nhau thảo luận về cách thức làm cho các chính sách của họ phù hợp với mục đích và tránh xung đột thương mại. Bằng cách đảm bảo tính minh bạch, tạo điều kiện cho đối thoại và thúc đẩy hợp tác về các vấn đề như định giá carbon, trợ cấp xanh hoặc tiêu chuẩn đo lường khí thải, WTO có thể giúp tạo ra một môi trường thương mại toàn cầu hỗ trợ quá trình phi carbon. Ông Paugam cho biết động lực thúc đẩy đối thoại của Ban thư ký WTO với ngành thép và Worldsteel về đo lường CO2 chính là mong muốn chứng minh một cách cụ thể rằng thương mại toàn cầu có thể là động lực cho quá trình chuyển đổi xanh. “Nguyên tắc tiêu chuẩn thép”, được đưa ra tại Hội nghị Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP) năm ngoái ở Dubai, là ví dụ điển hình nhất về sự hợp tác theo hướng này. Các nguyên tắc này nhằm mục đích thống nhất cách thức đo lường khí thải trong ngành thép. Theo ông, hợp tác giữa chính phủ, ngành công nghiệp, hiệp hội và các tổ chức quốc tế có thể đảm bảo rằng thương mại thúc đẩy quá trình khử cacbon.

Dự thảo Lệnh phê duyệt Thỏa thuận công nhận lẫn nhau của ASEAN đối với Báo cáo nghiên cứu tương đương sinh học của các sản phẩm thuốc gốc của Philippines

Ngày 14/10/2024, Philippines thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra dự thảo Lệnh phê duyệt Thỏa thuận công nhận lẫn nhau của ASEAN đối với Báo cáo nghiên cứu tương đương sinh học (BE) của các sản phẩm thuốc gốc. Theo đó, dự thảo Lệnh cung cấp các quy tắc, quy định và hướng dẫn chung cho Báo cáo nghiên cứu BE về các sản phẩm được phẩm gốc được bảo hiểm và niêm yết các Trung tâm BE trong ASEAN. Philippines chưa xác định thời gian dự kiến ban hành và có hiệu lực của dự thảo. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 25/10/2024 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/TBT/PHL/24_06810_00_e.pdf Mã thông báo G/TBT/N/PHL/337.



Sửa đổi Lệnh thực thi Đạo luật an toàn và sức khỏe công nghiệp và các sắc lệnh liên quan về các chất hóa học của Nhật Bản



Ngày 08/10/2024, Nhật Bản thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đề xuất sửa đổi Lệnh thực thi Đạo luật an toàn và sức khỏe công nghiệp và các sắc lệnh liên quan đến hóa chất. Lệnh thi hành Đạo luật an toàn và sức khỏe công nghiệp và các sắc lệnh liên quan sẽ được sửa đổi một phần để đặt ra các nghĩa vụ cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực hóa chất phải dán nhãn và thông báo thông qua SDS, v.v. Một số chất hóa học được miễn trừ khỏi các nghĩa vụ. Nhật Bản dự kiến ban hành dự thảo vào tháng 12/2024, thời gian dự kiến có hiệu lực từ tháng

04/2027. Các nước Thành viên WTO có 60 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến. Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/TBT/JPN/24_06592_00_e.pdf Mã thông báo G/TBT/N/JPN/838.

Đề xuất sửa đổi các Nghị quyết về giấy phép đặc biệt đối với thuốc trừ sâu tự nhiên và tổng hợp của Chile

Ngày 10/10/2024, Chile thông báo cho các nước Thành viên WTO về đề xuất sửa đổi các Nghị quyết về giấy phép đặc biệt đối với thuốc trừ sâu tự nhiên và tổng hợp do Cơ quan Dịch vụ Nông nghiệp và Chăn nuôi xây dựng.

Dự thảo Nghị quyết nhằm cập nhật các yêu cầu và quy định của Nghị quyết số 9074/2018 theo Nghị quyết số 1557/2014. Ngoài ra, dự thảo sẽ kết hợp các điều khoản mới được đưa vào thông qua các quy định mới, bao gồm số hóa và chữ ký điện tử.

Chile chưa xác định thời gian dự kiến ban hành và có hiệu lực của dự thảo. Các nước Thành viên WTO có 60 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/TBT/CHL/24_06726_00_s.pdf Mã thông báo G/TBT/N/CHL/705.

Nguồn: Văn phòng TBT Việt Nam

ĐỒNG HÀNH CÙNG...

(Tiếp theo trang 34)

nuôi cá, từ đó góp phần giúp đời sống của các hội viên ngày càng được cải thiện, nâng cao thu nhập cho gia đình.

Chị Lò Thị Tường ở xã Bản Giang chia sẻ: Được sự hỗ trợ của Hội Nông dân gia đình tôi đã được vay vốn để phát triển kinh tế nuôi con gà con vịt, trồng và chăm sóc cây chè đem lại thu nhập ổn định.

Việc đa dạng các kênh hỗ trợ về vốn đã giúp cho hội viên nông dân có điều kiện phát triển kinh tế nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống mà còn giúp thay đổi phương thức sản xuất, canh tác nhằm nâng cao giá trị sản phẩm qua đó góp phần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi đồng thời phát huy có hiệu quả các tiềm năng thế mạnh của địa phương.

nuôi, mạnh dạn đưa các giống mới, đầu tư mở rộng, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Các hộ dân ngày càng chú trọng đầu tư phát triển các loại cây, con có giá trị như: Cây chè, cây ăn quả, con có giá trị như: Cây chè, cây ăn quả,